

CHƯƠNG 30

CỘI NGUỒN CỦA DỤC VỌNG

1. CHÁNH VĂN

有姪童女與彼男誓. 至期不來而自悔曰. 欲吾知爾本.
意以思想生. 吾不思想爾. 即爾而不生. 佛行道聞之謂沙門
曰. 記之. 此迦葉佛偈. 流在俗間.

Dịch nghĩa

Có một cô gái trẻ phóng túng, đã hẹn ước với nam nhân. Đến hẹn nhưng người nam không đến, cô gái ấy tự hối hận than rằng:

Ta biết rõ cội nguồn người, dục vọng
Lòng dục này, do tư tưởng sanh ra
Nếu ta không tư duy về người nữa
Thì làm sao người có mặt trên đời?

Phật đang du hóa, nghe điều đó, nên bảo các Sa-môn hãy ghi nhớ nội dung này. Vì đó là bài kệ của Đức Phật Ca-diếp được lưu truyền trong nhân gian.

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐTKĐCTT, tập 4, số 212, Kinh Xuất diệu, quyển thứ tư, phẩm Ái dục thứ 2. Diêu Tần, Lương Châu, Sa-môn Trúc Phật Niệm dịch.

Xưa, Đức Phật ở tinh xá Cấp-cô-độc, trong vườn cây Kỳ-đà, thuộc nước Xá-Vệ. Bấy giờ, Đức Phật cùng với thị giả A-nan y bát gồm đủ ung dung đi vào trong thành khát thực. Sau khi khát thực xong thì rời thành ra về.

Có một thiếu phụ ôm con, cầm bình đến giếng múc nước. Lúc này, có một nam nhân sắc diện khả ái đang ngồi bên bờ giếng khảy đàn. Khi ấy thiếu phụ ý dục nổi lên, luyến ái nam tử. Nam nhân cũng vậy, tâm dục bùng phát, mê ngay thiếu phụ. Thiếu phụ do dục vọng loạn động, dùng dây cột gàu múc nước lại cột nhằm cổ con, treo trong miệng giếng. Thỏa mãn xong, trở về mở dây ra thì con đã chết. Thiếu phụ chỉ còn biết than trời, nhỏ lệ ngâm rằng:

Ta biết rõ cội nguồn nguơ, dục vọng
 Lòng dục này, do tư tưởng sanh ra
 Nếu ta không tư duy về nguơ nữa
 Thì làm sao nguơ có mặt trên đời?

Bấy giờ Đức Phật bảo Tôn giả A-nan, bài kệ vừa được nghe đó là do hằng sa chư Phật quá khứ đã nói. Ông hãy nhớ kỹ, để rồi đến xế chiều tập hợp đại chúng lại, đọc cho mọi người cùng nghe.

大正新脩大藏經第 04 冊 No. 0212 出曜經, 卷第四, 欲品第二。
 姚秦涼州沙門竺佛念譯。

昔佛在舍衛國祇樹給孤獨園。爾時世尊并侍者阿難。著衣持鉢入舍衛城中。乞食已周還出城外。

有一婦人抱兒持瓶詣井汲水。有一男子顏貌端正座井右邊彈瑟自娛。時彼女人欲意偏多耽著彼人。彼人亦復欲意熾盛耽著女人。女人欲意迷荒。以索繫小兒頸懸於井中。尋還挽出小兒即死。愁憂傷結呼天墮淚而說頌曰。欲我知汝本。意以思想生。我不思想汝。則汝而不有。

爾時世尊告阿難曰。向所聞偈過去恒沙諸佛所說。汝善誦習日晡集眾。在眾人中宣暢此偈。

ĐTKĐCTT, tập 4, số 211, Kinh Pháp cú thí dụ, quyển thứ tư, phẩm Ái dục, 32, phần 2. Đời Tấn, Sa-môn Pháp Cự và Pháp Lập dịch.

Xưa, Đức Phật ở trong tinh xá Kỳ-hoàn thuộc thành Xá-vệ, thuyết pháp cho chúng thiên, long, quỷ thần cùng vua quan và muôn dân.

Bấy giờ có hai người vốn là bạn bè thân thiết, thường cùng nhau rong chơi khắp chốn, chưa hề lìa nhau như bóng với hình. Lúc này cả hai cùng thỏa thuận muốn trở thành Sa-môn, liền đưa nhau đến tinh xá, quỳ trước Phật rồi chấp tay thi lễ, bạch Phật:

- Chúng con phát nguyện làm Sa-môn, xin thỉnh cầu Đức Thế Tôn thu nhận.

Phật chuẩn thuận cho phép họ trở thành Sa-môn và bảo hai người đó cùng ở chung một phòng. Hai người ở chung thì chỉ nghĩ đến chuyện thế gian như giàu có, vui thú, chuyện nam nữ duyên ái, chuyện vợ chồng. Họ luôn vẽ vời về những vẻ đẹp khác thường, lúc nào cũng tư tưởng về chuyện đó, không biết buông bỏ, chấm dứt. Cả hai kẻ đó không kể đến chuyện vô thường, dơ bẩn, bất tịnh, cứ nghĩ hoài về chuyện ân ái, tình dục nên tạo ra uất khí, sanh bệnh trong thân.

Phật dùng tuệ nhãn, biết rõ tâm tưởng tán loạn, sai lạc của hai kẻ kia, do buông lung theo tâm dục vượt quá hạn độ. Phật bảo một người ra khỏi phòng và Ngài liền biến thành người đó, rồi trở vào phòng nói với kẻ còn lại:

- Chúng ta suy tưởng quá nhiều về chuyện duyên ái, tình dục, tại sao không cùng nhau tới những chốn phấn son, để xem xét hình thể nữ nhân như thế nào? Nếu quả thật không giống như

mình đã tư tưởng, thì việc nhớ nghĩ chỉ luống vô ích, tăng thêm nhọc mệt mà thôi.

Hai người cùng nhau đi đến thôn dân nữ. Phật hóa thành một người dân nữ ở trong thôn. Cả hai Tỷ-kheo cùng vào nhà dân nữ và nói với những người trong nhà rằng:

- Chúng tôi là hàng tu hành, thọ giới cấm của Phật, nên không đụng chạm đến thân thể, chỉ muốn xem hình thể người nữ có giống với bóng dáng mà chúng tôi đã luôn nghĩ tưởng hay không mà thôi.

Người hóa nữ tức thì cởi bỏ các thứ chuỗi ngọc trang sức, giữ hết hương hoa xông ướp, buông bỏ y phục, đứng khỏa thân cùng với mùi hôi bốc ra nồng nặc, không thể tới gần. Hai người thoáng xem, hoảng hốt vì sự ướp tạp. Hóa nhân, là vị Sa-môn, liền nói với người kia:

- Cái đẹp của nữ nhân chỉ có khi được trang điểm phấn son, ướp mùi thơm, tắm với nước thơm, trang phục hoa hòe, lấy xiêm y để che phủ các thứ ướp tạp, lấy sự xông ướp hương hoa để thu hút lòng người. Ví như một cái túi đựng đầy phân thì có gì mà phải ham thích.

Lúc đó, vị hóa nhân Tỷ-kheo liền nói kệ rằng:

Ta biết rõ cội nguồn người, dục vọng

Lòng dục này, do tư tưởng sanh ra

Nếu ta không tư duy về người nữa

Thì làm sao người có mặt trên đời?

大正新脩大藏經第04冊No. 0211法句譬喻經, 卷第四, 喻愛欲品第三十二之二. 晉世沙門法炬共法立譯

昔佛在舍衛精舍中. 為天龍鬼神帝王臣民說法. 時有遊蕩子二人共為親友. 常相追隨一體無異. 二人共議欲作沙門. 即便相將來至

佛所. 為佛作禮長跪叉手. 白佛言. 願欲作沙門唯見聽許. 佛便受之即作沙門. 佛令二人共止一房. 二人共止但念世間恩愛榮樂. 更共咨嗟情欲形體. 說其姿媚專著不捨念不止息. 不計無常污露不淨. 以此鬱佛病生於內. 佛以慧眼知其想亂走意. 於欲放心不住以是不度. 佛令一人行便自化作一人入房. 問之言. 吾等所思意志不離可共往觀視其形體知為何如. 但空想念疲勞無益. 二人相隨至婬女村. 佛於村內化作一婬女人. 共入其舍而告之曰. 吾等道人受佛禁戒不犯身事. 意欲觀女人形容當顧直如法於是化女即解瓔珞香薰衣裳裸形而立臭處難近. 二人觀之具見污露. 化沙門即謂一人言. 女人之好但有脂粉芬薰眾華沐浴塗香. 著眾雜色衣裳以覆污露. 強薰以香欲以人觀. 譬如革囊盛屎有何可貪. 於是化比丘即說偈言. 欲我知汝本. 意以思想生. 我不思想汝. 則汝而不有.

ĐTKĐCTT, tập 2, số 125, Kinh Tăng nhất A-hàm, quyển 25, phẩm Ngũ vương thứ 33, kinh số 3. Đông Tấn, Kế Tân, Tam tạng Cù-đàm Tăng-già Đề-bà dịch.

... Lại nữa, có Tỷ-kheo nương vào thôn làng mà sống, họ nghe trong thôn có người nữ. Đến giờ, khoác y mang bát vào thôn khát thực, khi thấy người nữ không khởi dục tưởng, nếu cùng nói cười cũng không khởi dục tưởng, nếu lại được vuốt ve cũng không khởi dục tưởng. Lúc ấy, Tỷ-kheo quán ba mươi sáu vật trong thân này ô uế bất tịnh: 'Ai đắm vào đây? Do đâu khởi dục? Dục này dừng lại chỗ nào? Là từ đâu chẳng? Ra từ thân thể chẳng?'. Quán các vật này rõ ràng không có gì cả. Từ đầu đến chân cũng lại như vậy. Những gì thuộc năm tạng không có tướng tượng, cũng không có chỗ đến. Vị ấy quán nguồn duyên không biết từ nơi nào lại. Vị ấy lại nghĩ: 'Ta quán dục này từ nhân duyên sanh'. Tỷ-kheo quan sát điều này rồi, tâm được giải thoát dục lậu, tâm được giải thoát hữu lậu, tâm được giải thoát vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng: 'Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.'

Giống như người chiến đấu thứ năm kia sống tự tại không bị nạn địch quân. Do vậy, cho nên nay Ta nói người này đã dứt bỏ ái dục, vào nơi vô úy, đạt đến thành Niết-bàn. Nay Tỷ-kheo, đó gọi là có năm hạng người này xuất hiện ở đời.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Dục, ta biết gốc người,

Ý do tư tưởng sinh.

Ta chẳng sinh tư tưởng,

Còn người thì không có.

Cho nên, nay các Tỷ-kheo, hãy quán sát tâm bất tịnh hạnh là ô uế, để trừ bỏ sắc dục. Các Tỷ-kheo, hãy học điều này như vậy. Các Tỷ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng nhất A-hàm, tập 2, Thích Đức Thắng dịch,
NXB.Phương Đông, 2011, tr.309-310)

大正新脩大藏經第 02 冊 No. 0125 增壹阿含經, 卷第二十五
東晉罽賓三藏瞿曇僧伽提婆譯

五王品第三十三

(三)

…復次。有一比丘。依村落而住。彼聞村中有女人。然比丘到時。著衣持鉢。入村乞食。彼若見女人不起欲想。設共言笑。亦不起欲想。設復共相捻捏。亦復不起欲想。是時。比丘觀此身中三十六物惡穢不淨。誰著此者。由何起欲。此欲為止何所。為從頭耶。形體出耶。觀此諸物了無所有。從頭至足亦復如是。五藏所屬。無有想像。亦無來處。彼觀緣本。不知所從來處。彼復作是念。我觀此欲從因緣生。彼比丘觀此已。欲漏心得解脫。有漏心得解脫。無明漏心得解脫。便得解脫智。生死已盡。梵行已立。所作已辦。更不復受胎。如實知之。如彼第五戰鬪之人。不難眾敵而自遊化。由是故。我今說此人捨於愛欲。入於無

畏之處。得至涅槃城。是謂。比丘。有此五種之人。出現於世。爾時。世尊便說此偈。欲我知汝本。意以思想生。非我思想生。且汝而不有。是故。諸比丘。當觀惡穢婬不淨行。除去色欲。如是。諸比丘。當作是學。爾時。諸比丘聞佛所說。歡喜奉行。

ĐTKĐCTT, tập 4, số 210, Kinh Pháp cú, quyển hạ, phẩm Ái dục, thứ 32. Tôn giả Pháp Cúu soạn, Ngô, Thiên Trúc, Sa-môn Duy-kỳ-nan và những người khác cùng dịch.

Ta biết rõ cội nguồn người, dục vọng
Lòng dục này, do tư tưởng sanh ra
Nếu ta không tư duy về người nữa
Thì làm sao người có mặt trên đời?

大正新脩大藏經第 04 冊 No. 0210 法句經卷下

尊者法救撰

吳天竺沙門維祇難等譯

愛欲品法句經第三十二

欲我知汝本

意以思想生

我不思想汝

則汝而不有

2.2. Tư liệu Nikaya

Tích truyện Pháp cú, phẩm Bà-la-môn. Cô gái giang hồ quyến rũ thầy Tỷ-kheo Sundarasamudda.

Ai ở đời, đoạn dục...

Đức Thế Tôn dạy những lời trên khi Ngài đang ở tại Kỳ-viên, liên quan đến Tôn giả Mỹ Hải, Sundarasamudda.

Mỹ Hải, Sundarasamudda Kumàra, là một thanh niên người Xá-vệ, địa vị cao sang, sanh trưởng trong một gia đình giàu có,

tài sản lên đến ức triệu. Một hôm, sau bữa ăn sáng, trông thấy dân chúng cảm hương hoa đến tinh xá Kỳ-viên nghe pháp, chàng hỏi:

- Các bạn đi đâu thế?
- Đi nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp.
- Tôi cũng đi nữa.

Chàng theo họ vào ngồi ở mé ngoài của chúng hội. Đức Phật biết được tư tưởng chàng nên giảng pháp theo thứ lớp từ thấp đến cao. Mỹ Hải nghĩ: "Thật không thể nào làm chủ một gia đình mà giữ được Phạm hạnh trọn vẹn thanh tịnh, bóng ngời như chiếc vỏ sò".

Bài pháp của Phật khiến chàng nức lòng, muốn xin xuất gia. Đợi chúng hội giải tán hết, chàng đến xin Đức Phật cho gia nhập Tăng đoàn. Phật dạy:

- Như Lai chỉ nhận cho vào Tăng đoàn kẻ nào đã được cha mẹ cho phép.

Về đến nhà, cũng giống như chàng Ratthapàla và những người khác, chàng nỗ lực ráo riết, xoay xở đủ cách xin cho được phép của cha mẹ để xuất gia. Và chàng cũng được làm Sa-môn, gia nhập Tăng đoàn Đức Phật. Thành Tỷ-kheo rồi, thầy làm tròn mọi bổn phận của một Tăng sĩ. Một hôm, thầy nghĩ: "Ta ở lại đây phỏng có ích gì?". Thầy rời Kỳ-viên, đến thành Vương-xá, ngày ngày đi khất thực.

Một hôm, thành Xá-vệ mở lễ hội lớn. Cha mẹ thầy trông thấy bạn bè xưa của thầy vui chơi thỏa thích giữa các thứ xa hoa của ngày hội huy hoàng thì lòng buồn rười rượi. Hai ông bà khóc lóc, than thở:

- Ôi, con ta ngày nay đâu được hưởng những thú vui này!

Khi ấy, có một cô gái giang hồ sang trọng đến nhà họ chơi, thấy bà mẹ khóc, liền hỏi:

- Mẹ ơi, sao mẹ khóc?

- Tôi nghĩ đến con trai tôi hoài nên khóc.

- Nhưng thưa mẹ, anh ấy đâu?

- Xuất gia rồi, đang ở với các thầy Sa-môn.

- Chúng ta không thể kêu anh ấy về lại sao mẹ?

- Cũng được đấy. Nhưng nó có chịu đâu. Nó đã rời Xá-vệ đi Vương-xá rồi.

- Giả sử con kêu anh ấy về, mẹ sẽ cho con gì nào?

- Chúng tôi sẽ để cô làm nữ chủ gia sản này.

- Tốt lắm, mẹ hãy cho con tiền lệ phí.

Nhận được món tiền, cô mướn thật nhiều người hầu giúp việc, rồi lên đường đến Vương-xá.

Cô hỏi thăm con đường Tôn giả thường đi khát thực và mua một ngôi nhà nơi đó để ở. Từ sáng sớm, cô lo chuẩn bị những món ăn thầy thường thích, và khi thấy thầy đi khát thực, cô đem đến cúng dường. Sau vài ngày, cô thưa:

- Bạch Đại đức, xin Ngài ngồi đây để dùng bữa.

Cô đưa tay xin bình bát và Tôn giả vui vẻ trao liền. Cô dọn cho thầy những món thật ngon, rồi thưa tiếp:

- Bạch Đại đức, hằng ngày đi khát thực, xin Đại đức cứ ghé lại đây. Ngài sẽ được vui lòng.

Dần dần, cô dẫn dụ được thầy đến ngôi ở hàng hiên nhà cô, dùng những món ăn thích khẩu.

Ít hôm sau, cô kêu vài cậu bé vào cho ăn bánh để kết thân, rồi bảo:

- Này, mấy cháu! Khi nào thấy Tôn giả đến đây, các cháu kéo nhau tới nhé. Cứ tung bụi lên rõ nhiều. Cô rầy bảo thôi, các cháu cũng đừng thèm để ý.

Ngày mai lại, trong lúc Tôn giả đang dùng bữa, bọn trẻ đến đá bụi bay mù mịt. Cô chủ rầy la, bọn chúng vẫn trơ trơ. Hôm sau nữa, cô thưa:

- Bạch Đại đức, tụi nhỏ này tung bụi mù mịt thế này. Con rầy tụi nó cũng chẳng nghe. Xin Đại đức vào trong nhà ngồi.

Từ đó, cô mời Tôn giả vào luôn trong nhà ngồi dùng bữa. Rồi cô lại dứt lốt bọn trẻ, dặn:

- Khi Tôn giả đang dùng bữa, các cháu chơi đùa thật ồn ào lên nhé. Cô có bảo thôi, các cháu đừng để ý.

Bọn trẻ làm y lời cô.

Hôm sau nữa, cô thưa:

- Bạch Đại đức, chỗ này ồn ào hết chịu nổi. Con đã làm đủ cách, bọn trẻ vẫn cứ ồn. Xin thỉnh Đại đức lên tầng trên.

Tôn giả bằng lòng. Cô liền leo lên tầng cao nhất của ngôi biệt thự, thúc hối thầy vào trước và cô theo sau đóng cửa lại. Từ trước, Tôn giả luôn luôn theo đúng lệ chỉ thọ nhận thực phẩm bằng cách khát thực từ cửa nhà này qua cửa nhà khác. Nhưng bây giờ, thầy bị con ma tham ăn quân thức ghê gớm đến nỗi nghe theo lời cô gái điếm, leo lên tận tầng chót của ngôi nhà bảy tầng ấy. Cô mang ghế đến cho thầy ngồi.

Cô gái giang hồ trở hết tài nghệ, giở tất cả thủ thuật làm duyên của các bà để quyến rũ thầy Tỷ-kheo. Sau cùng, cô đứng trước Tôn giả, đọc một đoạn thơ:

Móng chân sơn đỏ chót,

Dép lê kỹ nữ mang,

Xuân xanh chàng đang độ,
 Em cũng cùng lúa trang.
 Hạnh phúc xin chung hưởng,
 Chàng sẽ là của em,
 Nô lệ chàng, em hứa,
 Cùng nhau sống ấm êm.
 Rồi sau ngày xuân mất,
 Bỏ cuộc chơi ta về,
 Gậy cầm tay cùng chống,
 Tuổi già ôi nào nề.

Tôn giả bỗng chợt tỉnh: “Hỡi ôi! Ta đã phạm trọng giới! Ta đã hành động thiếu suy nghĩ”. Thầy bàng hoảng lo sợ. Vừa lúc ấy, Đức Phật đang ở tại Kỳ-viên, cách Tôn giả bốn mươi lăm dặm. Ngài biết hết chuyện và mỉm cười. Tôn giả A-nan hỏi:

- Bạch Thế Tôn, vì sao Ngài cười?

- Này A-nan, tại tầng lầu cao nhất của một tòa biệt thự bảy tầng trong thành Vương-xá, đang xảy ra trận chiến giữa thầy Tỷ-kheo Mỹ Hải và một cô gái giang hồ.

- Bạch Thế Tôn, ai sẽ thắng? Ai sẽ thua?

- A-nan, thầy Tỷ-kheo Mỹ Hải sẽ thắng, cô gái giang hồ thua.

Nói xong, vẫn an nhiên tại chỗ, Đức Phật phóng quang ảnh hiện thân đến trước Tỷ-kheo Mỹ Hải và nói:

- Này Tỷ-kheo, hãy xa lìa các thứ tham ái, hãy cởi bỏ mọi dục vọng.

Rồi Ngài nói kệ:

(415) Ai ở đời đoạn dục,
 Bỏ nhà, sống xuất gia,
 Dục hữu được đoạn tận,
 Ta gọi Bà-la-môn.

*(Tích truyện Pháp cú, tập 3, Thiền viện Viên Chiếu dịch,
 NXB.Tôn Giáo, 2012, tr.382-387)*

3. NHẬN ĐỊNH

Chương này chỉ ra nguồn gốc của dục vọng và nêu ra cách thức ngăn ngừa. Mặc dù câu chuyện được nhiều bản kinh dựng lên trong những bối cảnh khác nhau, có mặt trong cả hai hệ Kinh tạng, nhưng đều chuyên chở một nội dung căn bản.

Từ những dữ liệu đã trình bày cho thấy, chương 30 này có nội dung liên hệ rất gần, hoặc có thể là dựa hoàn toàn trên nền tảng câu chuyện được ghi lại trong kinh Xuất diệu.

Một bài kệ của Đức Phật Ca-diếp, được một thiếu phụ khổ đau đọc lên, được Đức Phật xác tín và huấn thị cho các Tỷ-kheo học tập; cấu trúc của câu chuyện này hơi lạ, nhưng dấu sao vẫn chuyên chở hạt nhân hợp lý, đó là bài kệ nêu trên.

CHƯƠNG 31

THAM DỤC VÀ SỢ HÃI

1. CHÁNH VĂN

佛言. 人從愛欲生憂. 從憂生畏. 無愛即無憂. 不憂即無畏.

Dịch nghĩa

Phật dạy: Con người vì ái dục nên lo âu, từ lo âu nên sanh sợ hãi. Không ái dục sẽ không lo âu, không lo âu thì không sợ hãi.

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐTKĐCTT, tập 4, số 210, Kinh Pháp cú, quyển hạ, phẩm Hảo hỷ, thứ 24. Tôn giả Pháp Cứu soạn, Ngô, Thiên Trúc, Sa-môn Duy-kỳ-nan và những người khác cùng dịch.

Thương, mừng sinh lo

Thương, mừng sinh sợ

Không còn thương, mừng

Lo gì, sợ gì?

Vui thích nên lo

Vui thích nên sợ

Không vui, không thích

Lo gì, sợ gì?
 Tham dục nên lo
 Tham dục nên sợ
 Không còn tham dục
 Lo gì, sợ gì?

大正新脩大藏經第 04 冊 No. 0210 法句經卷下, 好喜品法句經
 第二十四. 尊者法救撰. 吳天竺沙門維祇難等譯

愛喜生憂
 愛喜生畏
 無所愛喜
 何憂何畏
 好樂生憂
 好樂生畏
 無所好樂
 何憂何畏
 貪欲生憂
 貪欲生畏
 解無貪欲
 何憂何畏

2.2. Tư liệu Nikaya

Kinh Tiểu bộ, kinh Pháp Cú, phẩm Hỷ ái.

212. “Do ái sinh sầu ưu,
 Do ái sinh sợ hãi,
 Ai thoát khỏi tham ái,
 Không sầu, đâu sợ hãi?”

213. “Ái luyến sinh sầu ưu,
 Ái luyến sinh sợ hãi.
 Ai giải thoát ái luyến
 Không sầu, đâu sợ hãi?”

214. “Hỷ ái sinh sầu ưu,
 Hỷ ái sinh sợ hãi.
 Ai giải thoát hỷ ái,
 Không sầu, đâu sợ hãi?”

215. “Dục ái sinh sầu ưu,
 Dục ái sinh sợ hãi,
 Ai thoát khỏi dục ái,
 Không sầu, đâu sợ hãi?”

216. “Tham ái sinh sầu ưu,
 Tham ái sinh sợ hãi.
 Ai thoát khỏi tham ái,
 Không sầu, đâu sợ hãi”.

*(Kinh Tiểu bộ, tập 1, kinh Pháp cú,
 Thích Minh Châu dịch, NXB.TP.HCM, 1999, tr.74)*

Tích truyện Pháp cú, phẩm Hỷ ái. Chuyện cô nương tử Kim.

Tham ái sinh sầu muộn ...

Câu chuyện được kể lại khi Đức Thế Tôn ở tại Kỳ-viên, liên hệ đến Anitthigandha Kumàra.

Kumara từ cõi trời Phạm Thiên tái sanh xuống Xá-vệ, trong một gia đình quyền quý. Từ lúc chào đời, chàng không thích gần phụ nữ, nếu có bà vú nào ẵm bồng chàng khóc thét

lên, muốn cho bú bà vú phải kê một cái gối trước ngực mình. Khi đến tuổi trưởng thành, song thân chàng bảo:

- Nay con! Ba má muốn cưới vợ cho con.

Chàng trả lời:

- Con không cần vợ.

Sau đó cha mẹ hỏi nhiều lần chàng đều từ chối. Cuối cùng, chàng cho mời năm trăm người thợ kim hoàn đến, trao cho họ ngàn lượng vàng khối, bảo họ đúc một tượng thiếu nữ thật xinh đẹp.

Một lần nữa, khi song thân chàng bảo:

- Nay con, nếu con không chịu kết hôn, dòng dõi nhà ta sẽ tuyệt tự. Hãy để cha mẹ cưới vợ cho con.

Chàng chỉ pho tượng vàng:

- Thưa, nếu cha mẹ tìm được cho con một cô gái y như pho tượng này, con sẽ vâng lời.

Song thân chàng mời một vài người Bà-la-môn đến nói:

- Con trai chúng tôi đáng giá ngàn vàng, cần có một người tương xứng với nó. Hãy mang pho tượng này đi theo, và khi tìm được cô gái nào giống như thế thì đưa về.

Các Bà-la-môn nhận lời, họ khởi sự đi tìm, từ thành này đến thành kia, cho tới khi đến thành Sagala thuộc vương quốc Madda. Trong thành này có một thiếu nữ độ tuổi trăng tròn rất xinh đẹp, cha mẹ nàng để nàng ở trên tầng lầu thứ bảy. Các thầy Bà-la-môn đặt pho tượng vàng bên đường đi đến hồ tắm, và ngồi tại đó nghĩ thầm: "Nếu có thiếu nữ đẹp như pho tượng này, dân cư ở đây trông thấy sẽ bảo nhau, pho tượng này đẹp như con gái nhà nọ nhà kia".

Bấy giờ, bà vú của cô gái đi đến hồ tắm, thấy pho tượng tưởng là cô chủ mình, bèn đi đến rầy rà:

- Cô hư lắm nhé! Tôi vừa tắm cho cô xong, ra khỏi nhà là cô đã đến đây trước tôi!

Vừa nói vừa đập nhẹ pho tượng, bà bỗng thấy mình chạm phải cái gì đó cứng ngắc, bà lấm bầm:

- Tôi tưởng đây là cô tiểu chủ, sao lại thế này?

Các Bà-la-môn thấy thế bèn hỏi:

- Nay bà, cô chủ của bà có giống bức tượng này không?

- Cô chủ tôi hả? Tượng này không bằng một góc!

- Được rồi, hãy đưa chúng tôi đến gặp.

Bà vú dẫn các Bà-la-môn về nhà, thuật lại câu chuyện cho cha mẹ cô. Họ tiếp đón các thầy nông hậu và cho cô gái xuống đứng gần bức tượng. Cô xinh đẹp đến nỗi lu mờ cả pho tượng. Các Bà-la-môn trao pho tượng cho cha mẹ cô, được phép dẫn cô đi, đồng thời liên báo tin cho cha mẹ Kumara. Họ rất vui mừng, ra lệnh đón cô lập tức, kèm theo nhiều lễ vật.

Khi Kumara nghe tin có một thiếu nữ đẹp hơn cả tượng vàng, nổi ước muốn dâng lên, chàng mong mau được gặp cô gái. Cô gái lên xe đi, nhưng cô quá đổi mảnh mai, đoạn đường dẫn xóc làm cô ngã bệnh và chết. Còn Kumara cứ hỏi chùng:

- Nàng đến chưa? Đến chưa?

Lòng khao khát chờ đợi của chàng biểu lộ quá mãnh liệt khiến họ không báo tin ngay, cứ nay hứa mai hẹn. Sau đó họ mới nói sự thật, chàng kêu lên:

- Trời ơi! Ta đã mất đi người vợ xinh đẹp!

Nỗi buồn rầu đè nặng lấy chàng như cả tảng núi đá.

Đức Phật thấy chàng có khả năng chứng quả, nên trên

đường khát thực, Ngài dừng lại trước cửa nhà Kumara. Song thân chàng mời Phật vào nhà, cúng dường trọng hậu. Thọ trai xong, Phật hỏi:

- Còn Kumara đâu?

- Bạch Thế Tôn, nó chẳng chịu ăn uống, cứ ở lì trong phòng.

- Hãy gọi ra đây.

Kumara đi ra, đảnh lễ Phật và lui ngồi một bên.

Phật bảo:

- Trông con có vẻ thảm sầu quá!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, một người vợ xinh đẹp chưa cưới của con đã chết trên xe hoa, tin ấy làm con buồn đến mức không thể ăn được gì.

- Nhưng con có biết nguyên nhân nỗi khổ ấy không?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Nay, Kumara! Vì ái sinh sầu muộn, sầu muộn và sợ hãi phát sinh từ ái.

Ngài nói kệ:

(215) Dục ái sinh sầu ưu,

Dục ái sinh sợ hãi,

Ai thoát khỏi dục ái,

Không sầu, đâu sợ hãi.

Nghe xong, Kumara chứng quả Tu-đà-hoàn.

Chuyện Đùng để tâm vào của cải thế gian.

Tham ái sinh sầu ưu...

Câu chuyện này được Đức Phật nói đến khi Ngài ở Kỳ-viên, liên quan tới một người Bà-la-môn.

Một người Bà-la-môn tà kiến ngày đi dọn cỏ ruộng bên bờ sông. Đức Phật nhận thấy ông ta có khả năng chứng quả, bèn đi đến chỗ ông làm ruộng. Bà-la-môn, mặc dù thấy Phật, không hề tỏ dấu cung kính, chỉ im lặng, Phật mở lời:

- Này Bà-la-môn! Ông đang làm gì thế?

- Tôi đang dọn đất, Cổ-đàm!

Phật không hỏi thêm, đi qua. Ngày hôm sau, ông đi cày. Phật cũng đến hỏi:

- Bà-la-môn, ông đang làm gì đấy?

- Tôi đang cày ruộng, Cổ-đàm!

Phật nghe xong, tiếp tục đi qua. Mỗi ngày, Ngài đều đến chỗ Bà-la-môn và hỏi như thế. Tùy mỗi lúc, Bà-la-môn trả lời:

- Tôi đang gieo mạ, tôi đang nhổ cỏ, tôi đang canh nước...

Phật cũng lại đi. Một ngày nọ, Bà-la-môn nói với Phật:

- Cổ-đàm, ông đã đến đây từ khi tôi mới dọn đất, khi nào lúa chín tôi sẽ chia cho ông. Tôi không muốn ăn một mình. Từ đây ông là bạn của tôi.

Thời gian trôi qua, lúa chín. Bà-la-môn tự nhủ: "Lúa đã chín, ngày mai ta đi kê thợ gặt". Và ông chuẩn bị gặt hái. Nhưng đêm đó một trận mưa bão khốc liệt nổi lên làm tan nát cả ruộng, cánh đồng trơ trụi như được gặt sạch. Tuy vậy, Đức Phật đã dự biết trước vụ gặt không thành. Sáng sớm hôm sau, Bà-la-môn nhủ thầm: "Ta sẽ đi thăm ruộng". Khi đến nơi thấy cánh đồng bị quét sạch, ông đau đớn nghĩ thầm: "Thầy Cổ-đàm đã đến thăm cánh đồng này từ khi ta mới dọn đất, ta có hứa sẽ chia lúa cho ông khi mùa gặt đến. Nhưng ước mong của ta không thành tựu". Ông buồn quá nên không ăn uống gì và nằm dài trên giường.

Bấy giờ, Đức Phật dừng chân trước cửa nhà ông. Nghe tin, ông bảo:

- Hãy mời ông bạn của ta vào nhà và mời ngồi!

Phật ngồi xong, hỏi:

- Người Bà-la-môn ở đâu?

- Thưa, đang nằm trong phòng.

- Hãy mời ông ra.

Ông Bà-la-môn ra ngồi một bên. Phật hỏi:

- Có chuyện gì thế?

- Thưa Cổ-đàm, ông đã đến thăm tôi từ ngày tôi mới dỡ miếng ruộng, và tôi có hứa chia lúa cho ông. Nhưng hy vọng của tôi không thành, nên tôi buồn khổ, không còn muốn ăn uống gì.

- Nhưng này! Ông có biết nguyên nhân nào khiến ông buồn khổ không?

- Thưa, không. Nhưng Ngài biết.

Phật xác nhận:

- Đúng thế! Này Bà-la-môn, khi nào có ước mong sẽ có sợ hãi và sầu khổ.

Ngài nói kệ:

(216) Tham ái sinh sầu ưu,

Tham ái sinh sợ hãi,

Ai thoát khỏi tham ái

Không sầu, đâu sợ hãi.

(Tích truyện Pháp cú, tập 2, Thiền viện Viên Chiếu dịch, NXB.Tôn Giáo, 2012, tr.400-406)

3. NHẬN ĐỊNH

Từ những đối chiếu ở trên, đã chỉ ra rằng, chương 31 này được hình thành từ kinh Pháp cú, cụ thể là kinh Pháp cú Hán tạng. Và do vậy, niên đại xuất hiện của chương 31 cũng liên quan đến niên đại kinh Pháp cú Hán tạng.

Kinh Pháp cú có các bản chú giải, nhằm làm sáng tỏ nội dung cô đọng của kinh. Ở Hán tạng, có thể tìm thấy rải rác ở kinh Pháp cú thí dụ hoặc ở kinh Phổ diệu. Ở hệ Nikaya, có bản sơ giải kinh Pháp cú (Dhammapada Commentary) bằng tiếng Pali, được cho là tác phẩm của ngài Buddhaghosa, được dịch sang nhiều thứ tiếng. Bản dịch Việt ngữ của bản chú giải này do thiền viện Viên Chiếu thực hiện. Các bản chú giải kinh Pháp cú, dù Hán tạng hay Nikaya, đã dựng nên bối cảnh hình thành các câu kinh một cách sống động.

CHƯƠNG 32

BỒN HẠNG CHIẾN SĨ

1. CHÁNH VĂN

佛言. 人為道譬如一人與萬人戰. 被鉀操兵出門欲戰. 意怯膽弱乃自退走. 或半道還. 或格鬥而死. 或得大勝還國高遷.

夫人能牢持其心. 精銳進行不惑于流俗狂愚之言者. 欲滅惡盡. 必得道矣.

Dịch nghĩa

Phật dạy: Người hành đạo ví như một người chiến đấu với vạn người, mặc áo giáp, cầm vũ khí ra khỏi thành chuẩn bị chiến đấu. Có kẻ trong tâm khiếp sợ nên tự thối lui, có kẻ giữa đường thì quay về, có kẻ chiến đấu đến chết, có kẻ đại thắng trở về, được quốc gia kính trọng.

Phàm là người có thể phòng hộ tâm mình chắc chắn, hành trì tinh tấn, không bị mê hoặc vì những lời cuồng ngu trong thế gian, dục vọng tiêu trừ, lỗi lầm dứt sạch, tất đắc đạo.

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐTKĐCTT, tập 2, số 125, Kinh Tăng nhất A-hàm, quyển thứ 25, phẩm Ngũ vương, thứ 33, kinh số 4. Đông Tấn, Kế Tân, Tam tạng Cù-đàm Tăng-già Đề-bà dịch.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Có năm hạng chiến đấu xuất hiện ở đời. Sao gọi là năm?

Có người mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi liền sinh lòng sợ hãi không dám vào trong trận lớn kia. Đó gọi là hạng người thứ nhất.

Lại nữa, hạng chiến đấu thứ hai mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, thấy gió bụi không sinh sợ hãi, nhưng nghe tiếng trống đánh liền sinh lòng sợ hãi. Đó gọi là hạng thứ hai.

Lại nữa, hạng thứ ba mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, hoặc nghe tiếng trống, tù và, không sinh sợ hãi, nhưng khi thấy cờ cao liền sinh lòng sợ hãi không dám chiến đấu. Đó gọi là hạng thứ ba.

Lại nữa, hạng thứ tư mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, khi thấy gió bụi không sinh lòng sợ hãi, hoặc nghe tiếng trống, tù và, cũng không sinh lòng sợ hãi, hay thấy cờ cao cũng không sinh lòng sợ hãi, nhưng lại bị địch bắt, hoặc bị giết. Đó gọi là hạng thứ tư.

Lại nữa, thứ năm có người mặc áo giáp, cầm gậy vào quân trận chiến đấu, hoàn toàn có khả năng phá tan quân địch mở rộng bờ cõi. Đó gọi là hạng thứ năm xuất hiện ở đời.

Tỷ-kheo nên biết, nay Tỷ-kheo cũng có năm hạng người xuất hiện ở thế gian. Sao gọi là năm?

Hoặc có Tỷ-kheo sống trong thôn xóm nghe có người nữ xinh đẹp vô song, như màu hoa đào. Đến giờ, Tỷ-kheo kia khoác y mang bát vào thôn khát thực, không hộ trì các căn, không giữ gìn pháp thân, miệng, ý. Khi thấy người nữ, vị ấy khởi dục ý,

hoàn xả cấm giới, sống theo pháp bạch y. Như người thứ nhất kia, nghe tiếng bụi nổi lên, không kham chiến đấu, sinh lòng sợ hãi, Do vậy cho nên Ta nói đến người này.

Lại nữa, Tỷ-kheo sống tại thôn làng, nghe trong thôn có người nữ xinh đẹp không ai bằng, mặt như màu hoa đào, liễu xả giới sống theo pháp bạch y. Như hạng chiến đấu thứ hai kia, chỉ nghe tiếng trống, tù và, không kham chiến đấu. Đây cũng như vậy.

Lại nữa, Tỷ-kheo sống tại thôn làng, nghe có người nữ tại thôn làng kia. Sau khi nghe mà không khởi dục ý; khi thấy người nữ mà không khởi dục tưởng, nhưng chỉ vì cùng người nữ đùa giỡn; do đó liễu xả cấm giới, sống theo pháp bạch y. Như người thứ ba kia, từ xa thấy cờ rồi, liền sinh lòng sợ hãi không dám chiến đấu. Vì vậy cho nên nay Ta nói người này. Đó gọi là hạng chiến đấu thứ ba.

Lại nữa, Tỷ-kheo sống tại thôn làng. Tỷ-kheo kia nghe trong thôn có người nữ. Khi đắp y mang bát vào thôn khát thực, không giữ gìn thân, miệng, ý. Khi thấy người nữ xinh đẹp vô song, ở đó liền khởi dục ý, hoặc cùng người nữ cùng nhau lôi kéo, hoặc nắm tay nhau, bèn xả cấm giới, trở lại làm bạch y. Như hạng chiến đấu thứ tư kia, ở trong đại quân, bị địch bắt, bị giết. Vì vậy nên nay Ta nói người này.

Lại nữa, có Tỷ-kheo nghe trong thôn làng có người nữ ít có trên đời. Tuy nghe vậy, mà không khởi dục tưởng. Tỷ-kheo kia đến giờ, đắp y mang bát vào thôn khát thực, giữ gìn thân, miệng, ý; tuy thấy người nữ, không khởi dục tưởng, không có tà niệm; nếu cùng người nữ nói chuyện qua lại cũng không khởi dục tưởng, cũng không tà niệm. Nếu bị người nữ lôi kéo, nắm tay, bấy giờ liền khởi dục tưởng, thân, miệng, ý liền trở dậy. Khi

dục ý đã trở dậy rồi, trở về lại Tăng viện, đến chỗ Trưởng lão Tỷ-kheo. Đem nhân duyên này nói với Trưởng lão Tỷ-kheo:

Chư Hiền, nên biết, nay dục ý của tôi nổi dậy khôn xiết. Cúi xin thuyết pháp khiến thoát khỏi bất tịnh ghê tởm của dục.

Bấy giờ Trưởng lão Tỷ-kheo bảo:

- Nay Thầy nên quán dục này do đâu sinh? Lại do đâu diệt? Như Lai dạy: 'Phàm người khử dục nên dùng quán bất tịnh để trừ, và tu hành pháp quán bất tịnh.'

Rồi Tỷ-kheo Trưởng lão liền nói kệ này:

Nếu biết điên đảo ấy
 Khiến tâm thêm trở dậy;
 Hãy trừ tâm hừng hực,
 Dục ý liền dùng nghỉ.

Chư Hiền nên biết, dục từ tướng sinh. Khi khởi niệm tướng, liền sinh dục ý. Hoặc có thể tự hại, lại hại người khác, gây ra bao nhiêu tai họa biến đổi, ở trong hiện tại chịu khổ hoạn kia; lại ở đời sau chịu khổ vô lường. Dục ý đã trừ, cũng không tự hại, không hại người khác. Ở báo hiện tại, không chịu khổ này. Cho nên, nay phải trừ tướng niệm. Vì không có tướng niệm nên liền không có tâm dục. Vì không có tâm dục nên liền không có loạn tướng.

Bấy giờ, Tỷ-kheo kia vâng theo những lời dạy bảo như vậy, liền tư duy về tướng bất tịnh. Do tư duy về tướng bất tịnh nên bấy giờ tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, đến nơi vô vi. Như người thứ năm mặc giáp cầm gậy vào trận chiến đấu, thấy địch thủ không sinh lòng sợ hãi. Nếu có người đến hại, tâm cũng không dời đổi, có thể phá giặc ngoài, có thể qua địa giới của địch. Vì vậy, cho nên nay Ta nói người này có thể phá được bọn ma,

trừ các loạn tướng, đến chỗ vô vi. Đó gọi là người thứ năm xuất hiện ở đời.

Tỷ-kheo nên biết, thế gian có năm hạng người này xuất hiện ở đời. Cho nên, này các Tỷ-kheo, hãy niệm tu hành, dục là tướng bất tịnh.

Các Tỷ-kheo hãy học điều như vậy”.

Các Tỷ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng nhất A-hàm, tập 2, Thích Đức Thắng dịch, NXB.Phương Đông, 2011, tr.310-314)

大正新脩大藏經第 02 冊 No. 0125 增壹阿含經, 卷第二十五
五王品第三十三, 四. 東晉罽賓三藏瞿曇僧伽提婆譯

聞如是. 一時. 佛在舍衛國祇樹給孤獨園. 爾時. 世尊告諸比丘.
有五戰鬥之人出現於世. 云何為五.

或有一人著鎧持仗. 入軍戰鬥. 彼見風塵. 便懷恐怖. 不敢入彼
大陣之中. 是謂第一之人.

復次. 第二戰鬥之人著鎧持仗. 入軍戰鬥. 彼見風塵. 不生畏懼.
但聞擊鼓之音. 便懷恐怖. 是謂第二之人.

復次. 第三之人著鎧持仗. 入軍戰鬥. 彼見風塵. 不生畏懼. 設
聞鼓角之聲. 不起畏懼. 彼若見高幢. 便懷恐怖. 不堪戰鬥. 是謂第
三之人.

復次. 第四戰鬥之人著鎧持仗. 入軍戰鬥中. 若見風塵. 不起畏
懼. 若聞鼓角之音. 復非恐懼. 若見高幢. 亦非怖畏. 設為他所捉. 或斷
命根. 是謂第四之人. 復次. 第五有人著鎧持仗. 入軍共鬪. 彼盡能有
所壞廣接國界. 是謂第五之人出現於世. 比丘當知. 今比丘亦有五種
之人. 出現於世間. 云何為五.

或有一比丘住村落中. 彼聞有女人. 端正無雙. 如桃華色. 彼比
丘到時. 著衣持鉢. 入村乞食. 不守根門. 不護身. 口. 意法. 彼若見女

人便起欲意，還捨禁戒，習白衣法，如彼初人聞揚塵之聲，不堪戰鬥，便懷恐怖，我由是故而說此人。

復次，有比丘住在村落，彼聞村中有女人，端正無比，面如桃華色，而便捨戒，習白衣法，如彼第二鬪人，但聞鼓角之聲，不堪戰鬥，此亦如是。復次，有比丘住在村落，聞有女人在彼村落，彼聞已，便起欲意，若見女人不起欲想，但共女人共相調戲，於中便捨禁戒，習白衣法，如彼第三人遙見幢已，便懷恐怖，不堪戰鬥，由是故，今說此人，是謂第三戰鬥之人。

復次，有比丘住在村落，彼比丘聞村中有女人，聞已，著衣持鉢，入村乞食，不守護身，口，意，彼見女人端正無雙，於中便起欲意，或與女人共相捻捏或手拳相加，便捨禁戒，還為白衣，如彼第四戰鬥之人，在大軍中為他所捉，喪失命根，由是之故，今說此人。

復次，有比丘聞村落中有女人，世之希有，彼雖聞此不起欲想，彼比丘到時，著衣持鉢，入村乞食，而守護身，口，意，彼雖見女人，不起欲想，無有邪念，設共女言語往返，亦不起欲想，亦無邪念，設共女人共相捻捏，手拳相加，爾時便起欲想，身，口，意便熾盛，欲意已熾盛，還詣園中，至長老比丘所，以此因緣，向長老比丘說之，諸賢當知，我今欲意熾盛，不能自禁制，唯願說法，使脫欲之惡露不淨，是時，長老比丘告曰，汝今當觀此欲為從何生，復從何滅，如來所說，夫去欲者，以不淨觀除之，及修行不淨觀之道，是時，長老比丘便說此偈言，設知顛倒者，加心而熾盛，當去諸熾心，欲意止休息，諸賢知之，欲從想生，以興想念，便生欲意，或能自害，復害他人，起若干災患之變，於現法中受其苦患，復於後世受苦無量，欲意以除，亦不自害，不害他人，於現法報不受其苦，是故，今當除想念，以無想念，便無欲心，以無欲心，便無亂想，爾時，彼比丘受如此教勅，即思惟不淨之相，以思惟不淨之想，爾時有漏心得解脫，至無為處，如彼第五人著鎧持仗入軍戰鬥，彼見眾敵無有恐懼，設有來害者心不移動，能破外寇，居他界中，由是故，今說此人能破魔眾，去諸亂想，至無為處，是謂第五人出現於世，比丘當知。

世間有此五人出現世間。是故。諸比丘。當念修行欲不淨想。如是。諸比丘。當作是學。爾時。諸比丘聞佛所說。歡喜奉行。

2.2. Tư liệu Nikaya

Kinh Tăng chi bộ, kinh Người chiến sĩ.

1. - Này các Tỷ-kheo, có năm hạng chiến sĩ này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người chiến sĩ chỉ thấy bụi mù dấy lên đã chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tham gia chiến trận. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo, đây là người chiến sĩ thứ nhất có mặt hiện hữu ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, nhưng khi thấy cờ xí dựng lên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không còn can đảm, không có thể tham gia chiến trận. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chiến sĩ thứ hai có mặt, hiện hữu ở đời.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên, nhưng khi nghe tiếng la hét, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tham gia chiến trận. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chiến sĩ thứ ba có mặt, hiện hữu ở đời.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên, chịu đựng tiếng la hét, nhưng khi bị thương trong chiến trận, liền thất kinh, thất đảm. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chiến sĩ thứ tư có mặt, hiện hữu ở đời.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên, chịu đựng tiếng la hét, chịu đựng cuộc xáp chiến. Vị ấy, sau khi thắng trận, dự phần vào chiến thắng, cầm đầu trong chiến thắng. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng chiến sĩ. Đây là hạng người chiến sĩ thứ năm, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

Năm hạng người chiến sĩ này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

7. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với năm hạng chiến sĩ này, có năm hạng người có mặt, hiện hữu giữa các Tỷ-kheo. Thế nào là năm?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi thấy bụi mù dấy lên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Thế nào là bụi mù dấy lên đối với vị ấy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được nghe: "Tại một làng hay một thị trấn kia, có người phụ nữ hay thiếu nữ đẹp đẽ, khả ái, làm đẹp lòng người với sắc mặt đẹp thù thắng như hoa sen". Khi được nghe vậy, vị ấy liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Đây là nghĩa bụi mù dấy lên đối với vị ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, hạng người chiến sĩ ấy, khi mới thấy bụi mù dấy lên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tham dự chiến trận. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Đây là người, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với hạng người chiến sĩ thứ nhất có mặt, hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

9. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, nhưng khi thấy cờ xí dựng lên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Thế nào là cờ xí dựng lên đối với vị ấy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có nghe: “Tại một làng hay thị trấn kia, có người phụ nữ hay thiếu nữ đẹp đẽ, khả ái, làm đẹp lòng người với sắc mặt đẹp thù thắng như hoa sen”, nhưng vị ấy tự mình thấy một phụ nữ hay một thiếu nữ đẹp đẽ, khả ái, làm đẹp lòng người với sắc mặt đẹp thù thắng như hoa sen. Vị ấy, sau khi thấy người phụ nữ hay người thiếu nữ ấy, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không thể có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Đây là nghĩa cờ xí dựng lên đối với vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, hạng người chiến sĩ ấy chịu đựng được bụi mù dấy lên, nhưng khi thấy cờ xí dựng lên, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể ra trận xáp chiến. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Đây là người, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với hạng người chiến sĩ thứ hai có mặt, hiện hữu giữa các vị Tỷ-kheo.

10. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, nhưng khi nghe tiếng la hét, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Thế nào là tiếng la hét đối với vị ấy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, một nữ nhân đi đến vị Tỷ-kheo tại ngôi rừng, dưới một gốc cây hay tại ngôi nhà trống, cười nhạo Tỷ-kheo, nói mơn trớn, nói cười lớn tiếng, cợt nhả. Tỷ-kheo bị nữ nhân cười nhạo, nói mơn trớn, nói cười

lớn tiếng, cột nhả, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, sau khi biểu lộ sự hèn yếu trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Đây là nghĩa của tiếng la hét đối với vị ấy.

Ví như người chiến sĩ ấy, này các Tỷ-kheo, chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, nhưng khi nghe tiếng la hét, liền chùn chân, rùn chí, không còn can đảm, không có thể ra trận xáp chiến. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ ba có mặt, hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

11. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, chịu đựng được tiếng la hét, nhưng bị thương trong khi xáp chiến lâm trận liền thất kinh thất đảm. Thế nào là xáp chiến lâm trận đối với vị ấy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi đi đến ngôi rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, một nữ nhân đến Tỷ-kheo ấy, ngồi sát một bên, nằm sát một bên, vuốt ve mạn trón. Tỷ-kheo ấy được nữ nhân ngồi sát một bên, nằm sát một bên, được vuốt ve mạn trón, không từ bỏ học tập, không biểu lộ sự yếu kém trong học tập, (nhưng vị ấy lại) rơi vào hành dâm (với nữ nhân). Đây là nghĩa xáp chiến lâm trận đối với vị ấy. Ví như người chiến sĩ ấy, này các Tỷ-kheo, chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, chịu đựng được tiếng la hét, nhưng khi lâm trận xáp chiến, bị thương, thất kinh, thất đảm. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ tư có mặt, hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

12. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, chịu đựng được tiếng la hét,

chịu đựng được xáp chiến lâm trận. Vị ấy sau khi chiến thắng chiến trận ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng hàng đầu trong trận chiến ấy. Thế nào là sự chiến thắng trong chiến trận đối với vị ấy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo đi đến ngôi nhà rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, có nữ nhân đi đến vị ấy, ngồi xuống sát một bên, nằm sát một bên, vuốt ve mạn trôn. Vị ấy, khi được nữ nhân ngồi sát một bên, nằm sát một bên, vuốt ve mạn trôn, liền gỡ mình ra, gỡ thoát ra, và ra đi chỗ nào mình muốn.

Và vị ấy đi đến một chỗ trống trải, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, khe đá, hang núi, nghĩa địa, cao nguyên, ngoài trời, đồng rơm. Rồi vị ấy đi đến khu rừng, đi đến gốc cây hay đi đến ngôi nhà trống, ngôi kiết-già, lưng thẳng và để niệm trước mặt. Vị ấy, sau khi đoạn tận tham, an trú với tâm ly tham, gột sạch tâm khỏi tham, sau khi đoạn tận sân, an trú với tâm ly sân, có lòng thương tưởng đến tất cả loài hữu tình và chúng sanh, gột sạch tâm khỏi sân hận; sau khi đoạn tận hôn trầm thụy miên, an trú với tâm ly thụy miên hôn trầm, với tướng ánh sáng, chánh niệm, tỉnh giác, gột sạch tâm khỏi hôn trầm thụy miên; sau khi đoạn tận trạo cử hối quá, an trú không trạo cử, nội tâm tịch tịnh, gột sạch tâm khỏi trạo cử hối quá; sau khi đoạn tận nghi, an trú với tâm vượt khỏi nghi ngờ, không còn nghi hoặc, gột sạch tâm khỏi nghi ngờ đối với các thiện pháp. Vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái này, những pháp làm ứ nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, ly dục, ly các pháp bất thiện... chứng đạt và an trú sơ Thiền... an trú Thiền thứ tư.

Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu ứ, ly các tùy phiền não, nhu nhuyễn, kham nhẫn, kiên trì, bất động, hướng tâm về trí đoạn tận các lậu hoặc. Vị ấy như thật rõ biết: “Đây là Khổ”; như thật rõ biết: “Đây là Khổ tập”; như thật rõ biết: “Đây là Khổ diệt”; như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến Khổ diệt”; như thật rõ biết: “Những pháp này là những lậu

hoặc”; như thật rõ biết: “Đây là lậu hoặc tập khởi”; như thật rõ biết: “Đây là lậu hoặc đoạn diệt”. Như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến lậu hoặc đoạn diệt”. Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát trí khởi lên: “Ta đã được giải thoát”. Vị ấy rõ biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, nay không còn trở lui trạng thái này nữa”. Đây là sự chiến thắng trong trận chiến đối với vị ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, chịu đựng được các tiếng la hét, chịu đựng được sự xáp chiến. Vị ấy, sau khi chiến thắng chiến trận ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng hàng đầu trong trận chiến ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ năm có mặt, hiện hữu ở đời.

Những người này, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với năm chiến sĩ có mặt, hiện hữu ở giữa các vị Tỷ-kheo.

(Kinh Tăng chi bộ, chương Năm pháp, phẩm Chiến sĩ, kinh Người chiến sĩ, Thích Minh Châu dịch, Viện NCPHVN, 1996, tr.450-459)

3. NHẬN ĐỊNH

Chương này có cơ sở cả hai hệ thống kinh điển, Hán tạng cũng như Nikaya. Điều đáng chú ý là người biên tập chương này đã rút bớt một hạng người, chỉ còn bốn hạng chiến sĩ mà thôi.

Từ những nội dung sinh động về năm hạng chiến sĩ, được ghi lại trong kinh Tăng nhất A-hàm cũng như kinh Tăng chi đã giúp ta hiểu rõ hơn về chương 32 này. Theo kinh văn, người tu phải như hạng chiến sĩ thứ 5, vượt qua mọi trở lực để chiến thắng khải hoàn trở về.

CHƯƠNG 33

TIẾNG ĐÀN CỦA SONA

1. CHÁNH VĂN

有沙門夜誦經甚悲。意有悔疑。欲生思歸。佛呼沙門問之。汝處于家將阿修為。對曰。恒彈琴。佛言。絃緩何如。曰不鳴矣。絃急何如。曰聲絕矣。急緩得中何如。諸音普悲。佛告沙門。學道猶然。執心調適道可得矣。

Dịch nghĩa

Có vị Sa-môn ban đêm tụng kinh, giọng rất buồn, ý khởi hối hận, nghi ngờ, suy nghĩ muốn hoàn tục. Phật gọi vị Sa-môn ấy đến hỏi: Khi còn ở nhà, ông có năng khiếu gì? Đáp rằng: Con thường đánh đàn cầm. Phật hỏi: Dây đàn chùng thì sao? Đáp: Đàn không kêu. Dây quá căng thì sao? Đáp: Tiếng sẽ cao vút. Dây không căng không chùng thì sao? Đáp: Âm điệu hài hòa. Phật bảo Sa-môn: Việc học đạo cũng vậy, giữ tâm phù hợp và điều độ, thì sẽ đắc đạo.

Ghi chú

Bản Cao Ly: 汝處于家將何修為

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐTKĐCTT, tập 2, số 125, Kinh Tăng nhất A-hàm, phẩm Địa chủ thứ 23, kinh số 3. Đông Tấn, Kế Tân, Tam tạng Cù-đàm Tăng-già Đề-bà dịch.

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở bên bờ hồ Lôị Thanh, nước Chiêm-bà.

Bấy giờ Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ sống một nơi vắng, tự tu gốc pháp, không bỏ mười hai pháp hạnh đầu đà, đêm ngày kinh hành, không lia giáo lý Ba mươi bảy đạo phẩm, hoặc ngồi, hoặc đi thường tu Chánh pháp. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm thường tự cố gắng chẳng bỏ một giây. Song tâm vẫn không được giải thoát khỏi dục, các pháp hữu lậu.

Lúc bấy giờ, chớ mà Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ kinh hành, máu từ bàn chân bị nát, chảy đầy tràn cả lối đường, giống như chỗ mổ bò. Quạ, diều đến ăn máu. Song tâm vẫn không được giải thoát khỏi dục, các pháp hữu lậu. Rồi Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ nghĩ thầm: 'Trong những người đệ tử khổ hạnh tinh tấn của Đức Phật Thích-ca, ta là người đứng đầu. Song nay tâm của ta vẫn không được giải thoát khỏi các lậu. Vả lại, gia nghiệp ta nhiều tiền của. Ta nên xả bỏ pháp phục trở về làm bạch y, đem tiền của bố thí rộng rãi. Chứ làm Sa-môn như hiện nay thật khó, không dễ.'

Bấy giờ Thế Tôn từ xa biết được những gì Nhị Thập Úc Nhĩ suy nghĩ, liền lướt qua hư không mà đi, đến chỗ Tôn giả kinh hành, trải tọa cụ mà ngồi. Khi ấy Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ đến trước chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên.

Thế Tôn hỏi Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ:

- Vừa rồi ngươi vì cớ gì mà nghĩ rằng: 'Trong những người đệ tử khổ hạnh tinh tấn của Đức Phật Thích-ca, ta là người đứng đầu. Song nay tâm của ta vẫn không được giải thoát khỏi các lậu. Vả lại, gia nghiệp ta nhiều tiền của, ta nên xả bỏ pháp phục, trở về làm bạch y, đem tiền của bố thí rộng rãi. Chứ làm Sa-môn như hiện nay thật khó, không dễ?'

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

- Thật vậy, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Nay Ta hỏi lại ngươi, ngươi tùy đó trả lời Ta. Thế nào, Nhị Thập Úc Nhĩ, trước kia khi còn tại gia ngươi giỏi khảy đàn chăng?

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

- Thật vậy, bạch Thế Tôn! Trước kia khi còn tại gia, con khảy đàn rất giỏi.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào Nhị Thập Úc Nhĩ! Nếu dây đàn căng quá thì âm hưởng không đều. Khi đó tiếng đàn nghe có hay không?

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

- Thưa không, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Thế nào Nhị Thập Úc Nhĩ! Nếu dây đàn lại chùng, thì tiếng đàn nghe có hay không?

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

- Thưa không, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Thế nào Nhị Thập Úc Nhĩ! Nếu dây đàn không căng, không chùng thì bấy giờ tiếng đàn nghe có hay không?

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

- Thưa vâng, Thế Tôn! Nếu dây đàn không chùng không căng, lúc ấy âm đàn nghe rất hay.

Thế Tôn bảo:

- Ở đây cũng vậy. Quá tinh tấn cũng bằng như trạo cử. Nếu lười biếng, đây sẽ rơi vào vào tà kiến. Nếu có thể ở giữa, đó là

hành bậc thượng. Như vậy không lâu sẽ thành người Vô lậu.

Thế Tôn sau khi thuyết pháp vi diệu cho Tỳ-kheo Nhị Thập Ưc Nhĩ xong, liền trở về bên bờ hồ Lô Ím.

Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập Ưc Nhĩ suy nghĩ những gì Thế Tôn đã dạy bảo, ở chỗ nhàn tĩnh, liên tục không ngừng tu hành pháp đó, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu Phạm hạnh vô thượng, cho đến như thật biết rằng: ‘Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa’. Tôn giả Nhị Thập Ưc Nhĩ đã thành A-la-hán.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

-Đệ tử siêng năng, đệ nhất khổ hạnh trong hàng Thanh văn của Ta, chính là Nhị Thập Ưc Nhĩ.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng Nhất A-hàm, tập 1, Thích Đức Thắng dịch, NXB.Phương Đông, 2011, tr.409-412)

大正新脩大藏經第02冊No. 0125增壹阿含經, 卷第十三, (三).
東晉罽賓三藏瞿曇僧伽提婆譯

聞如是。一時。佛在占波國雷聲池側。是時。尊者二十億耳在一靜處。自修法本。不捨頭陀十二法行。晝夜經行。不離三十七道品之教。若坐。若行。常修正法。初夜。中夜。竟夜。恒自剋勵。不捨斯須。然復不能於欲漏法心得解脫。是時。尊者二十億耳所經行處。脚壞血流。盈滿路側。猶如屠牛之處。烏鵲食血。然復不能於欲漏心得解脫。是時。尊者二十億耳便作是念。釋迦文佛苦行精進弟子中。我為第一。然我今日漏心不得解脫。又我家業。多財饒寶。宜可捨服。還作白衣。持財物廣惠施。然今作沙門。甚難不易。爾時。世尊遙知二十億耳心之所念。便騰遊虛空。至彼經行處。敷坐具而坐。是時。尊者二十億耳前至

佛所. 頭面禮足. 在一面坐. 爾時. 世尊問二十億耳曰. 汝向何故作是念. 釋迦文尼佛精進苦行弟子中. 我為第一. 然我今日漏心不得解脫. 又我家業. 饒財多寶. 宜可捨服. 還作白衣. 持財物廣施. 然今作沙門. 甚難不易. 二十億耳對曰. 如是. 世尊. 世尊告曰. 我今還問汝. 隨汝報我. 云何. 二十億耳. 汝本在家時. 善彈琴乎. 二十億耳對曰. 如是. 世尊. 我本在家時. 善能彈琴. 世尊告曰. 云何. 二十億耳. 若彈絃極急. 嚮不齊等. 爾時琴音可聽採不. 二十億耳對曰. 不也. 世尊. 世尊告曰. 云何. 二十億耳. 若琴絃復緩. 爾時琴音可聽採不. 二十億耳對曰. 不也. 世尊. 世尊告曰. 云何. 二十億耳. 若琴絃不急不緩. 爾時琴音可聽採不. 二十億耳對曰. 如是. 世尊. 若琴絃不緩不急. 爾時琴音便可聽採. 世尊告曰. 此亦如是. 極精進者. 猶如調戲. 若懈怠者. 此墮邪見. 若能在中者. 此則上行. 如是不久. 當成無漏人. 爾時. 世尊與二十億耳比丘說微妙法已. 還雷音池側. 爾時. 尊者二十億耳思惟世尊教勅. 不捨須臾. 在閑靜處修行其法. 所以族姓子出家學道. 剃除鬚髮. 修無上梵行. 生死已盡. 梵行已立. 所作已辦. 更不復受有. 如實知之. 尊者二十億耳便成阿羅漢. 爾時. 世尊告諸比丘. 我聲聞中第一弟子精懇苦行. 所謂二十億耳比丘是. 爾時. 諸比丘聞佛所說. 歡喜奉行.

2.2. Tư liệu Nikaya

Kinh Tăng chi bộ, kinh Sona.

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú tại Ràjagaha (Vương-xá) núi Gijjhakùta (Linh-thứu). Lúc bấy giờ Tôn giả Sona trú ở Ràjagaha, tại rừng Sita. Rồi Tôn giả Sona, trong khi độc cư Thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: “Những ai là đệ tử Thế Tôn, sống tinh cần tinh tấn, ta là một trong những vị ấy. Nhưng ta còn chấp thủ, tâm chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc. Gia đình ta có tài sản, và ta có thể hưởng thọ tài sản và làm điều công đức. Vậy ta hãy từ bỏ học pháp, hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức”. Rồi Thế Tôn với tâm của mình biết được tâm của Tôn giả Sona,

như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất từ núi Gijjhakùta, hiện ra trước mặt Tôn giả Sona, ở rừng Sìta. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Sona đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sona đang ngồi một bên:

- Này Sona, có phải trong khi thầy đọc cư Thiển tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: “Những ai là đệ tử Thế Tôn, sống tinh cần tinh tấn, ta là một trong những vị ấy. Nhưng ta còn chấp thủ, tâm chưa giải thoát các lậu hoặc. Gia đình ta có tài sản, ta có thể hưởng thọ tài sản ấy và làm các công đức. Vậy ta hãy từ bỏ học pháp, hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Có phải thuở trước, khi còn là gia chủ, Thầy giỏi đánh đàn tỳ-bà có dây?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Khi những sợi dây đàn tỳ-bà của Thầy quá căng thẳng, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Khi những sợi dây đàn tỳ-bà của Thầy quá chùng, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Nhưng này Sona! Khi những sợi dây đàn tỳ-bà của Thầy không quá căng thẳng, không quá chùng xuống, nhưng vậ đúng mức trung bình, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

- Thưa được, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy, này Sona, khi tinh cần tinh tấn quá căng thẳng, thời đưa đến dao động; khi tinh cần tinh tấn quá thụ động, thời đưa đến biếng nhác. Do vậy, này Sona, Thầy phải an trú tinh tấn một cách bình đẳng, thể nhập các căn một cách bình đẳng, rồi tại đấy nắm giữ tướng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Sona vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn sau khi giáo giới Tôn giả Sona với lời giáo giới, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, Thế Tôn biến mất tại rừng Sita và hiện ra ở núi Gijjhakùta.

(Kinh Tăng chi bộ, chương 6 pháp, Đại phẩm, kinh Sona, Thích Minh Châu, dịch, Viện NCPHVN, 1996, tr.155-157)

Mahavagga 2, chương Da thú, Thanh niên Sona Kolivisa xin xuất gia, Ví dụ về dây đàn, đoạn 2.

Khi ấy, Sona Kolivisa đã khởi ý điều này: “Theo như ta hiểu về Pháp đã được Đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch, hay là ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà?”. Sau đó, khi đã được hoan hỷ đã được hài lòng với lời giảng dạy của Đức Thế Tôn, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, khi tám mươi ngàn người trưởng làng ra đi không lâu, Sona Kolivisa đã đi đến gặp Đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sona Kolivisa đã nói với Đức Thế Tôn điều này:

- Bạch Ngài, theo như con hiểu về pháp đã được Đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với

người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Bạch Ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà. Bạch Ngài, xin Đức Thế Tôn hãy cho con xuất gia.

Rồi Sona Kolivisa đã được xuất gia với Đức Thế Tôn và đã được tu lên bậc trên.

Và khi đã được tu lên bậc trên không bao lâu, Đại đức Sona sống ở khu rừng Sita. Trong khi vị ấy đang đi kinh hành với sự tinh tấn nỗ lực cao, các bàn chân đã bị rách. Đường kinh hành trở nên vấy đầy máu như là chỗ giết trâu bò. Sau đó, Đại đức Sona trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Ta là một trong số các vị đệ tử của Đức Thế Tôn sống có sự tinh tấn nỗ lực cao, nhưng tâm của ta vẫn còn chấp thủ và không được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Hơn nữa, ở gia đình của ta lại có các tài sản, có thể thọ dụng những tài sản (ấy) và làm các việc phước báu; hay là ta nên quay về cuộc sống thấp kém rồi thọ dụng những tài sản (ấy) và làm các việc phước báu?”. Khi ấy, sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Đại đức Sona, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự như thế Đức Thế Tôn đã biến mất tại núi Gijjhakūta và hiện ra ở khu rừng Sita. Sau đó, trong khi cùng với nhiều vị Tỷ-kheo đi dạo quanh các chỗ trú ngụ, Đức Thế Tôn đã đi đến đường kinh hành của Đại đức Sona. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đường kinh hành của Đại đức Sona bị vấy đầy máu, sau khi nhìn thấy đã nói với các Tỷ-kheo rằng:

- Nay các Tỷ-kheo, đường kinh hành này của vị nào lại bị vấy đầy máu giống như là chỗ giết trâu bò vậy?

- Bạch Ngài, Đại đức Sona trong khi đi kinh hành với sự tinh tấn nỗ lực cao nên hai bàn chân đã bị rách. Đường kinh hành bị vấy đầy máu này là của vị ấy, giống như là chỗ giết trâu bò vậy.

Sau đó, Đức Thế Tôn đã đi đến trú xá của Đại đức Sona, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Đại đức Sona đã đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Sona đang ngồi một bên điều này:

- Này Sona, có phải ngươi trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: "Ta là một trong số các vị đệ tử của Đức Thế Tôn sống có sự tinh tấn nỗ lực cao, nhưng tâm của ta vẫn còn chấp thủ và không được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Hơn nữa, ở gia đình của ta lại có các tài sản, có thể thọ dụng những tài sản (ấy) và làm các việc phước báu; hay là ta nên quay về cuộc sống thấp kém rồi thọ dụng những tài sản (ấy) và làm các việc phước báu?"

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

- Này Sona, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Có phải trước đây khi còn là kẻ tại gia ngươi rành rẽ về âm điệu của sợi dây ở đàn tỳ bà?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

- Này Sona, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn tỳ bà của ngươi là căng thẳng, phải chằng vào lúc ấy cây đàn tỳ bà của ngươi là có âm thanh hoặc thích hợp để sử dụng?

- Bạch Ngài, điều ấy không đúng.

- Này Sona, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn tỳ bà của ngươi là quá chùng, phải chằng vào

lúc ấy cây đàn tỳ bà của người là có âm thanh hoặc thích hợp để sử dụng?

- Bạch Ngài, điều ấy không đúng.

- Này Sona, người nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn tỳ bà của người không là căng thẳng và cũng không quá chùng, được đặt vào đúng vị thế, phải chăng vào lúc ấy cây đàn tỳ bà của người là có âm thanh hoặc thích hợp để sử dụng?

- Bạch Ngài, đúng vậy.

- Này Sona, cũng tương tự như thế, sự tinh tấn nỗ lực cao đưa đến sự loạn động, sự tinh tấn quá uể oải đưa đến sự biếng nhác. Này Sona, do đó ở đây người phải xác định mức đều đều trong sự tinh tấn, phải hiểu rõ được sự cân bằng của các quyền (indriya), và vào lúc ấy người phải nắm giữ ấn chứng.

- Bạch Ngài, xin vâng. Đại đức Sona đã trả lời Đức Thế Tôn.

Sau đó, khi đã giáo huấn cho Đại đức Sona bằng lời giáo huấn ấy, rồi giống như một người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra, tương tự như thế tại khu rừng Sita, Đức Thế Tôn đã biến mất trước mặt Đại đức Sona rồi hiện ra ở núi Gijjhakūta.

Sau đó, Đại đức Sona đã xác định mức đều đều trong sự tinh tấn, hiểu rõ được sự cân bằng của các quyền (indriya), và vào lúc ấy đã nắm giữ được ấn chứng. Khi ấy, Đại đức Sona đã tách riêng một mình, và sống không lười biếng, nỗ lực, quyết tâm nên chẳng bao lâu sau ngay trong kiếp hiện tại này đã tự mình nhận thức, chứng đạt, và an trú vào thắng trí, mục đích tối thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh sống không nhà. Vị ấy biết rằng: "Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã sống, việc

cần làm đã làm, không còn (đưa đến) bản ngã nào khác (tương tự như vậy nữa". Và trong số các vị A-la-hán có thêm một vị nữa là Đại đức Sona. (Indacanda Nguyên Thiên dịch)

3. NHẬN ĐỊNH

Câu chuyện sinh động của chương 33 không những có cơ sở từ những bản kinh, luật đã dẫn ở trên, mà còn xuất hiện trong các bộ như kinh Tạp A-hàm, quyển 9, kinh Nhị Thập Úc Nhĩ, số 254; kinh Xuất diệu, quyển 6, phẩm Không phóng dật, thứ tư; kinh Trung A-hàm, quyển 29, Đại phẩm, kinh Sa-môn Nhị Thập Úc, thứ 7.

Như vậy, nguồn gốc, tính xác thực, cũng như niên đại của chương 33 này đã được khẳng định hoàn toàn, dựa vào niên đại của các bộ kinh, luật vừa dẫn ở trên.

Quan điểm không cực đoan khổ hạnh đến mức ép xác cũng như không chạy theo dục vọng, là giải pháp Trung đạo được chính bản thân Đức Phật thân chứng và tùy nghi chỉ dạy cho chúng đệ tử; mà thể hiện cụ thể ở đây là câu chuyện về tiếng đàn của chàng thanh niên Sona.

CHƯƠNG 34

TU HÀNH NHƯ LUYỆN SẮT

1. CHÁNH VĂN

佛言. 夫人為道猶所鍛鐵漸深棄去垢成器必好. 學道以漸深去心垢. 精進就道. 暴即身疲. 身疲即意惱. 意惱即行退. 行退即修罪.

Dịch nghĩa

Phật dạy: Phàm là người hành đạo cũng như việc luyện sắt, phải tuần tự uyển chuyển, khử bỏ tạp chất, sẽ làm nên vật dụng tinh xảo. Người học đạo tuần tự khử tâm cấu uế, tùy theo sức lực mà tinh tấn, quá vội vàng thì thân nhọc mệt, thân nhọc mệt thì ý phiền não, ý phiền não thì hạnh tu suy giảm, hạnh tu suy giảm thì tạo nên lỗi lầm.

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐTKĐCTT, tập 4, số 210, Kinh Pháp cú, quyển hạ, phẩm Trần cấu, thứ 26. Tôn giả Pháp Cú soạn, Ngô, Thiên Trúc, Sa-môn Duy-kỳ-nan và những người khác cùng dịch.

Người trí tu tuần tự
 Từng bước tiến an lành
 Tẩy trừ tâm cấu nhiễm
 Như thể vàng luyện kim.

大正新脩大藏經第 04 冊 No. 0210 法句經, 卷下
 塵垢品, 第二十六尊者法救撰. 吳天竺沙門維祇難等譯
 慧人以漸
 安徐稍進
 洗除心垢.
 如工鍊金

ĐTKĐCTT, tập 2, số 99, Kinh Tạng A-hàm, quyển thứ 47, kinh Luyện kim, số 1246. Tống, Thiên Trúc, Tam tạng Cầu-na Bạt-đà-la dịch.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trú xứ Kim sư, tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

Như người luyện vàng, gom đất cát lại bỏ vào máng. Sau đó dùng nước gội lên. Những thứ quặng thô, tạp uế và các thứ đá vụn, đất rắn, theo nước trôi đi, còn lại những hạt cát thô liên kết dính chặt vào nhau. Lại dùng nước gội vào những hạt cát thô ấy, chúng theo nước chảy ra. Sau đó mới có vàng sống, nhưng vẫn còn lại những thứ cát mịn (341c) bị đất đen kết dính. Lại dùng nước gội lên, những hạt cát mịn, đất đen trên đó theo nước nó trôi đi. Sau đó mới có vàng nguyên nhưng vẫn còn lại những thứ lợn cợn như tợ vàng. Tiếp đó, người thợ vàng đem nó bỏ vào lò, quạt lò tăng lửa cho nó tan ra nước, loại bỏ hết cặn bẩn, nhưng chất vàng sống vẫn còn giữ nguyên, vẫn chưa nhẹ, chưa mềm, chưa trở thành bóng loáng, gấp lại, kéo ra, còn bị gãy. Người luyện vàng hay người đệ tử luyện vàng lại bỏ nó vào lò, quạt lò cho thêm lửa, lúc này mới là lúc chuyển luyện thành vàng. Vàng lúc này đã nhẹ, mềm, trở thành bóng loáng, dồn lại kéo ra không bị gãy, tùy theo ý muốn, làm các loại đồ trang sức như cà-rá, bông tai, vòng xuyến.

Tỷ-kheo tiến hướng tịnh tâm cũng như vậy. Phiền não triển phược thô, nghiệp ác bất thiện, các tà kiến ác, dần dần sẽ bị loại bỏ; như vàng sống kia phải loại bỏ đi những đất đá rắn.

Lại nữa, Tỷ-kheo tiến hướng tịnh tâm tiếp đến từ bỏ những cấu thô của tầm tư dục giác, tầm tư nhuế, tầm tư hại; như vàng sống được loại bỏ những hạt cát thô.

Lại nữa, Tỷ-kheo hướng đến tâm thanh tịnh, tiếp tục loại bỏ những cấu vi tế của tầm về thân thích, tầm nhân chúng, tầm về sanh thiên, cần phải tư duy loại trừ chúng như vàng sống được loại bỏ đi bụi bẩn, cát mịn và đất đen.

Lại nữa, Tỷ-kheo tiến hướng tịnh tâm ngay đến có tầm về thiện pháp cũng phải tư duy để trừ diệt hết, cho tâm thanh tịnh, giống như vàng sống được loại bỏ đi những thứ cợn bẩn giống như màu vàng để nó trở thành vàng ròng.

Lại nữa, Tỷ-kheo còn phải thực hành, đối với các tam-muội còn cần phải hành, cần phải hộ trì, cũng giống như ao nước cần có bờ giữ chung quanh. Pháp còn cần phải hộ trì nên không được tịch tĩnh thẳng diệu, không được an tịnh, dứt sạch các hữu lậu. Cũng như thầy trò thợ vàng lọc luyện vàng sống, loại bỏ những quặng bẩn, nhưng chưa nhẹ, chưa mềm, chưa trở thành bóng loáng, uốn lại kéo ra bị gãy, không thể làm đồ trang sức theo ý được.

Lại nữa, Tỷ-kheo khi đã đắc các tam-muội, không còn có sự hành trì nắm giữ, được tịch tĩnh thẳng diệu, được đạo an tịnh, nhất tâm, nhất ý, dứt sạch các hữu lậu. Cũng như thầy trò thợ vàng, luyện lọc sanh kim vàng sống cho đến khi nó nhẹ, mềm, bóng loáng, tùy ý uốn vào kéo ra.

Lại nữa, Tỷ-kheo lià các tầm tứ cho đến đắc đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thiền, như vậy là chánh định thuần nhất thanh tịnh, lià các

phiền não, chơn thật nhu nhuyễn, bất động đối với chúng. Muốn cầu tác chứng nhập xứ kia, đều có thể được tác chứng. Cũng như thợ vàng, luyện lọc vàng sống đến mức nhẹ, mềm, bóng loáng, không gãy, muốn làm đồ gì tùy theo ý muốn. Cũng vậy, Tỷ-kheo trụ vào tam-muội chánh định... cho đến đối với các nhập xứ, đều có thể tác chứng được.

Phật nói kinh này xong, các Tỷ-kheo sau khi nghe những điều Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

(*Tạp A-hàm, tập 2, kinh 906, Luyện kim, Thích Đức Thắng dịch.*
NXB.Phương Đông, 2010, tr.691-694)

大正新脩大藏經第 02 冊 No. 0099 雜阿含經, 卷第四十七.

宋天竺三藏求那跋陀羅譯

(一二四六) .

如是我聞. 一時. 佛住王舍城金師住處. 爾時. 世尊告諸比丘. 如鑄金者. 積聚沙土. 置於槽中. 然後以水灌之. 麤上煩惱. 剛石堅塊隨水而去. 猶有麤沙纏結. 復以水灌. 麤沙隨水流出. 然後生金. 猶為細沙. 黑土之所纏結. 復以水灌. 細沙. 黑土隨水流出. 然後真金純淨無雜. 猶有似金微垢. 然後金師置於爐中. 增火鼓鞴. 令其融液. 垢穢悉除. 然其生金猶故. 不輕. 不軟. 光明不發. 屈伸則斷. 彼鍊金師. 鍊金弟子復置爐中. 增火鼓鞴. 轉側陶鍊. 然後生金輕軟光澤. 屈伸不斷. 隨意所作釵. 鐺. 鐙. 釧諸莊嚴具. 如是. 淨心進向比丘麤煩惱纏. 惡不善業. 諸惡邪見漸斷令滅. 如彼生金. 淘去剛石堅塊. 復次. 淨心進向比丘除次麤垢. 欲覺. 悲覺. 害覺. 如彼生金除麤沙礫. 復次. 淨心進向比丘次除細垢. 謂親里覺. 人眾覺. 生天覺. 思惟除滅. 如彼生金除去塵垢. 細沙. 黑土. 復次. 淨心進向比丘有善法覺. 思惟除滅. 令心清淨. 猶如生金除去金色相似之垢. 令其純淨. 復次. 比丘於諸三昧有行所持. 猶如池水周匝岸持. 為法所持. 不得寂靜勝妙. 不得息樂. 盡諸有漏. 如彼金師. 金師弟子陶鍊生金. 除諸垢穢. 不輕. 不軟. 不發光澤. 屈伸斷絕. 不得隨意成莊嚴具. 復次. 比丘得諸三昧. 不為有所

持. 得寂靜勝妙. 得息樂道. 一心一意. 盡諸有漏. 如鍊金師. 鍊金師弟子陶鍊生金. 令其輕軟. 不斷. 光澤. 屈伸隨意. 復次. 比丘離諸覺觀. 乃至得第二. 第三. 第四禪. 如是正受. 純一清淨. 離諸煩惱. 柔軟真實不動. 於彼彼入處. 欲求作證悉能得證. 如彼金師陶鍊生金. 極令輕軟. 光澤. 不斷. 任作何器. 隨意所欲. 如是. 比丘三昧正受. 乃至於諸入處悉能得證. 佛說此經已. 時. 諸比丘聞佛所說. 歡喜奉行.

2.2. Tư liệu Nikaya

Kinh Tiểu bộ, kinh Pháp cú, phẩm Cấu uế, câu 239.

Bạc trí theo tuần tự.

Tùng sát-na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi

Trừ cấu uế nơi thân.

(*Kinh Tiểu bộ*, tập 1, kinh Pháp cú,
Thích Minh Châu dịch, NXB.TP.HCM, 1999, tr.79)

Kinh Tăng chi bộ, kinh Kế lọc vàng.

1. - Nay các Tỷ-kheo, có những uế nhiễm thô tạp của vàng như bụi, cát, đá, sạn và đá sỏi. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi đem đổ vào trong cái máng, rồi rửa sạch qua, rửa sạch lại, rửa sạch thêm nữa.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, còn lại những uế nhiễm bậc trung của vàng, như cát đá, sạn tế nhị và các hạt cát thô tạp. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi rửa sạch, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, còn lại những uế nhiễm tế nhị, như cát mịn và cát bụi đen. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi rửa sạch, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn.

Làm xong như vậy, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại bụi vàng.

2. Rồi người thợ vàng hay đệ tử người thợ vàng bỏ bụi vàng ấy vào trong cái lò, rồi thụt ống bể, thụt ống bể thêm, thụt ống bể cho đến khi vàng bắt đầu chảy, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò. Vàng ấy được thụt bể, được thụt bể thêm nữa, được thụt bể hơn nữa, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò, chưa làm xong, chưa sạch các uế nhiễm, chưa có nhu nhuyễn, chưa có kham nhậm, chưa có sáng chói. Vàng ấy còn có thể bể vụn và chưa có thể được tác thành tốt đẹp.

Có một thời, này các Tỷ-kheo, người thợ vàng hay đệ tử người thợ vàng ấy lại thụt bể, thụt bể thêm nữa, thụt bể hơn nữa, cho đến khi vàng chảy ra khỏi lò. Vàng ấy lại được thụt bể, được thụt bể thêm nữa, được thụt bể hơn nữa, cho đến khi vàng ấy chảy ra khỏi lò, được làm xong, được sạch các uế nhiễm, được nhu nhuyễn, được kham nhậm, và được sáng chói. Vàng ấy còn không bị bể vụn và có thể tác thành tốt đẹp. Và loại trang sức nào người ấy muốn, như vàng lá, hay nhẫn, hay vòng cổ, hay dây chuyền, người ấy có thể làm thành như ý muốn.

3. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử thô tạp, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành. Tỷ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho sanh khởi lại.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử thuộc bậc trung, dục tầm, sân tầm, hại tầm. Tỷ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho sanh khởi.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử tế nhị, như tư tưởng về gia tộc, tư tưởng về quốc độ, tư tưởng không bị khinh rẻ. Tỷ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt không cho chúng sanh khởi.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại các pháp tâm (tư tưởng về pháp).

4. Định như vậy không có an tịnh, không có thù thắng, không được khinh an, không đạt đến nhứt tâm, nhưng là một trạng thái chế ngự thường xuyên dần ép. Nhưng đến một thời, này các Tỷ-kheo, tâm của vị ấy được nội trú, lắng đứng lại, được nhứt tâm, được định tĩnh. Định ấy được an tịnh, được thù diệu, được khinh an, đạt đến nhứt tâm, không phải một trạng thái chế ngự thường xuyên dần ép, tùy thuộc vào pháp gì tâm người ấy hướng đến để thắng tri, để chứng ngộ; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

5. Nếu vị ấy ước muốn, ta sẽ chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang hư không, độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền, ngồi kiết-già đi đến hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

6. Vị ấy nếu ước muốn: "Với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư Thiên và loài người"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

7. Nếu vị ấy ước muốn: "Mong rằng với tâm của mình có thể biết tâm của các loại chúng sanh khác, tâm của các loài Người khác như sau: Tâm có tham biết là tâm có tham. Tâm không tham biết là tâm không tham. Tâm có sân biết là tâm có sân. Tâm không sân biết là tâm không sân. Tâm có si biết là tâm có si. Tâm không si biết là tâm không si. Tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn biết là tâm tán loạn. Đại hành tâm biết là đại

hành tâm. Không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng biết là tâm vô thượng. Tâm thiền định biết là tâm thiền định. Tâm không thiền định biết là tâm không thiền định. Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát”; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

8. Nếu vị ấy ước muốn: “Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp”; vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh tại đây”. Vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

9. Nếu vị ấy ước muốn: “Với thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, ta thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh ấy làm những ác nghiệp về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, địa ngục, đọa xứ. Các chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những vị này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này.

Như vậy, với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, ta có thể thấy sự sống chết của chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

10. Nếu vị ấy ước muốn: “Do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, với thắng trí, ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát”; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

11. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, cần phải thỉnh thoảng tác ý ba tướng. Cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng định, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng cần, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng xả.

12. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng định, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến thụ động. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng tinh cần, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến trạo cử. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng xả, thời có sự kiện tâm vị ấy không chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Nhưng nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu thỉnh thoảng tác ý tướng định, thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, thỉnh thoảng tác ý tướng xả, tâm vị ấy trở thành nhu nhuyến, kham nhiệm, chói sáng, không bề vụn, chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc.

13. Ví như một thợ làm vàng, này các Tỷ-kheo, hay đệ tử người làm vàng, xây lên các lò đúc. Sau khi xây lên các lò đúc, người ấy nhóm lửa đốt miệng lò. Sau khi đốt miệng lò, với cái kềm, người ấy cầm vàng bỏ vào miệng lò; rồi thỉnh thoảng

người ấy thụt ống bễ, thỉnh thoảng người ấy rưới nước, thỉnh thoảng người ấy quan sát kỹ lưỡng. Nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, một chiều thối ống bễ, thì có sự kiện vàng ấy bị cháy. Nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, một chiều rưới nước, thì có sự kiện vàng ấy bị nguội lạnh. Nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, một chiều quan sát kỹ lưỡng, thì có sự kiện vàng ấy không chơn chánh đi đến thuần thực. Còn nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, thỉnh thoảng thối ống bễ vàng ấy, thỉnh thoảng rưới nước, thỉnh thoảng quan sát kỹ lưỡng, thì vàng ấy trở thành trở thành nhu nhuyến, kham nhậm, chói sáng, không bể vụn, và được thành tốt đẹp. Và loại trang sức nào người ấy muốn như vàng lá, hay nhẫn, hay vòng cổ, hay dây chuyền, người ấy có thể làm thành như ý muốn.

14. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo siêng năng tu tập tăng thượng tâm, cần phải thỉnh thoảng tác ý ba tướng. Cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng định, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng xả. Nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng định, thì có sự kiện tâm vị ấy đi đến thụ động. Nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng tinh cần, thì có sự kiện tâm vị ấy đi đến trạo cử. Nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng xả, thì có sự kiện tâm vị ấy không chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Nhưng nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, thỉnh thoảng tác ý tướng định, thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, thỉnh thoảng tác ý tướng xả, tâm vị ấy trở thành nhu nhuyến, kham nhậm, chói sáng, không bể vụn, chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu

hoặc. Tùy thuộc theo pháp gì, tâm vị ấy hướng đến để thắng tri, để chứng ngộ, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

15. Nếu vị ấy muốn: “Ta sẽ chứng đạt nhiều loại thần thông... (như 100.5)... chứng tri sáu loại thắng trí... do đoạn diệt các lậu hoặc... (như 100.10)... sau khi chứng ngộ, ta sẽ chứng đạt và an trú”; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

(*Kinh Tăng chi bộ*, chương 3 pháp, phẩm Hạt muối, kinh Kế lợc vàng, Thích Minh Châu dịch, Viện NCPHVN, 1996, tr.459-467)

Kinh Tăng chi bộ, kinh A-tu-la Pahàràda.

... Ví như, này Pahàràda, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành linh như một vực thẳm. Cũng vậy, này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành linh. Này Pahàràda, vì rằng trong pháp và luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành linh, nên này Pahàràda, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

(*Kinh Tăng chi bộ*, chương Tám pháp, phẩm Lớn, kinh A-tu-la Pahàràda, Thích Minh Châu dịch, Viện NCPHVN, 1996, tr.560-561)

3. NHẬN ĐỊNH

Cơ sở hình thành của chương này lưu xuất từ câu chuyện về người thợ kim hoàn, có mặt trong kinh Pháp cú Hán tạng và Nikaya, kinh Tạt A-hàm và kinh Tăng chi. Theo đối chiếu, kinh Tạt A-hàm chữ Hán thì tương đương kinh Tương ưng

bản Pali, nhưng thỉnh thoảng vẫn có những bản kinh không nằm trong trật tự đó.

Từ một người thợ kim hoàn, chuyên làm vàng, bạc xuất hiện trong các bản kinh đã đối chiếu ở trên, thế nhưng khi qua kinh Tứ thập nhị chương đã trở thành người thợ sắt. Phải chăng, người biên dịch kinh Tứ thập nhị chương đã chủ động thay đổi chi tiết này; vì khi nói đến thợ sắt, thợ rèn thì mọi người dễ hình dung hơn những nghề không dành cho số đông như thợ kim hoàn?

Thế nhưng, dù luyện sắt hay luyện vàng thì cũng phải tuân tự, nhu nhuyễn và từ từ. Việc tu hành cũng như thế, không thể vội vã, hấp tấp mà có thể thành tựu. Hình ảnh bờ biển lớn, tuần tự xuôi, tuần tự sâu dần như, chương Tám pháp, kinh Tăng chi vừa dẫn ở trên, là một ẩn dụ rất phù hợp trong chương này.

CHƯƠNG 35

CÓ THÂN THÌ CÓ KHỔ

1. CHÁNH VĂN

佛言. 人為道亦苦. 不為道亦苦. 惟人自生至老. 自老至病. 自病至死. 其苦無量. 心惱積罪. 生死不息. 其苦難說.

Dịch nghĩa

Phật dạy: Người hành đạo cũng khổ, không hành đạo cũng khổ. Tuy nhiên, con người từ sanh đến già, từ già đến bệnh, từ bệnh đến chết, những nỗi khổ ấy vô lượng. Tâm còn phiền não thì tội lỗi càng chồng chất, dẫn đến sanh tử không ngừng, đó là những nỗi khổ không thể nói hết.

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐTKĐCTT, tập 2, số 99, Kinh Tạp A-hàm, quyển thứ 33, kinh số 938. Tống, Thiên Trúc, Tam tạng Cầu-na Bạt-đà-la dịch.

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà trong vườn Cấp-cô-độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Chúng sanh từ vô thủy sanh tử cho đến nay, cứ mãi xoay vần, không biết được biên tế nguyên thủy của khổ.

Các Tỷ-kheo nghĩ thế nào? Nước sông Hằng... nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là nước mắt của các ông tuôn ra trong vòng sanh tử luân hồi là nhiều?

Các Tỷ-kheo bạch Phật:

- Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật nói, nước mắt của chúng con tuôn rơi trong vòng sanh tử luân hồi rất nhiều, nhiều hơn cả nước sông Hằng và nước bốn biển lớn.

Phật nói với các Tỷ-kheo:

- Lành thay! Lành thay! Nước mắt của các ông tuôn rơi trong vòng sanh tử luân hồi rất nhiều, chứ không phải nước sông Hằng và nước bốn biển. Vì sao? Vì các ông đã từng bị mất cha mẹ, anh em, chị em, thân thuộc, người quen, bị mất mát tiền của, nước mắt tuôn rơi cho những sự mất mát đó nhiều vô lượng. Các ông cứ mãi bị ném ra nghĩa địa, máu tanh chảy ra, rồi sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Này các Tỷ-kheo, các người từ vô thủy sanh tử luân hồi, máu và nước mắt trong thân rất nhiều, nhiều vô lượng.

Này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

Các Tỷ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, vô thường.

- Nếu vô thường, đó là khổ chăng?

- Bạch Thế Tôn, khổ.

- Nếu vô thường, khổ là pháp biến dịch, Đa văn Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng?

Các Tỷ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, không.

- Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như thế.

Này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử biết như thế, thấy như thế... đối với sắc giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức, giải thoát, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

Phật nói kinh này xong, các Tỷ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tập A-hàm, tập 3, Thích Đức Thắng dịch,
NXB. Phương Đông, 2010, tr.798- 800)

大正新脩大藏經第 02 冊 No. 0099 雜阿含經, 卷第三十三
宋天竺三藏求那跋陀羅譯

(九三八) 如是我聞。一時。佛住舍衛國祇樹給孤獨園。爾時。世尊告諸比丘。眾生無始生死以來。長夜輪轉。不知苦之本際。佛告諸比丘。於意云何。恒河流水。乃至四大海。其水為多。為汝等長夜輪轉生死。流淚為多。諸比丘白佛。如我解世尊所說義。我等長夜輪轉生死。流淚甚多。過於恒水及四大海。佛告比丘。善哉。善哉。汝等長夜輪轉生死。流淚甚多。非彼恒水及四大海。所以者何。汝等長夜喪失父母。兄弟。姊妹。宗親。知識。喪失錢財。為之流淚。甚多無量。汝等長夜棄於塚間。膿血流出。及生地獄。畜生。餓鬼。諸比丘。汝等從無始生死。長夜輪轉。其身血淚甚多無量。佛告諸比丘。色為常耶。為無常耶。比丘白佛。無常。世尊。佛告比丘。若無常者。是苦耶。比丘白佛。是苦。世尊。佛告比丘。若無常。苦者。是變易法。多聞聖弟子寧於其中見我。異我。相在不。比丘白佛。不也。世尊。受。想。行。識亦復如是。諸比丘。聖弟子如是知。如是見。乃至於色解脫。於受。想。行。識解脫。解脫生。老。病。死。憂。悲。惱苦。佛說此經已。諸比丘聞佛所說。歡喜奉行。

ĐTKĐCTT, tập 4, số 210, Kinh Pháp cú, quyển hạ, phẩm An ninh, thứ 23. Tôn giả Pháp Cứu soạn, Ngô Thiên Trúc, Sa-môn Duy-kỳ-nan và những người khác cùng dịch.

Dâm dục là nóng nhất
Độc nhất chính là giận

Khổ nhất chính là thân

Niết-bàn an lạc nhất.

大正新脩大藏經第 04 冊 No. 0210 法句經卷下, 安寧品第二十三
尊者法救撰

吳天竺沙門維祇難等譯

熱無過姪.

毒無過怒.

苦無過身.

樂無過滅

ĐTKĐCTT, tập 4, số 211, Kinh Pháp cú thí dụ, quyển 3, phẩm An ninh, thứ 23. Đồi Tấn, Sa-môn Pháp Cự và Pháp Lập cùng dịch.

Hội thoại về khổ

Xưa, Phật ở trong nước Xá-vệ. Bảy giờ có bốn vị Tỷ-kheo ngồi dưới đại thọ, hỏi nhau, đời này cái gì khổ nhất. Một vị nói, khổ nhất không gì hơn dâm dục. Một vị nói, khổ nhất không gì hơn thịnh nộ. Một vị nói, khổ nhất không gì hơn đói khát. Một vị nói, khổ nhất không gì hơn sợ hãi. Họ bàn luận phân vân. Phật biết, nên đến chỗ họ ngồi, hỏi, các vị bàn luận điều gì? Họ đứng lên lạy Phật, bạch rõ điều họ bàn. Phật nói, các vị Tỷ-kheo, các vị bàn luận chưa phải cái gốc của khổ. Mà khổ nhất không gì bằng thân thể. Đói, khát, nóng, lạnh, tức giận, sợ hãi, sắc dục, oán thù toàn do cái thân. Thân là gốc rễ của bao nỗi khổ não, là đứng đầu bao nhiêu tai họa. Lao tâm khổ trí, muôn mối lo sợ. Vì sinh đi nữa, cũng tàn hại nhau. Tao mày xung khắc, sống chết liên miên. Tất cả là do thân. Các vị Tỷ-kheo, các vị muốn rũ sạch cái khổ ấy, thì phải thực hiện Niết-bàn. Hãy tập trung tâm ý mà tuân giữ chánh hạnh, sống giản dị, không vọng tưởng, thì thế nào cũng hội

nhập Niết-bàn. Như thế mới là vui, cái vui thượng đỉnh. Ở đây, Phật nói bá Pháp cú như sau:

Nóng, không gì hơn tình dục.

Độc, không gì hơn thịnh nộ.

Khổ, không gì hơn thân thể.

Vui, không gì hơn Niết-bàn.

Đừng ham lạc thú nhỏ mọn.

Biện giải nhỏ mọn và tri thức nhỏ mọn

Hãy nhìn lên mà cầu sự vĩ đại (của lạc thú, biện giải và tri thức), mới thể hiện sự yên vui vĩ đại.

Như Lai là Thế Tôn, vĩnh viễn không còn lo buồn

Đích thực vượt khỏi ba cõi,

Độc lực chiến thắng Ma vương.

(Theo Tỳ-kheo Trí Quang, *Tổng tập Pháp cú*,
NXB.TP.HCM, 2012, tr.115-116)

大正新脩大藏經第 04 冊 No. 0211 法句譬喻經

卷第三, 安寧品第二十三

晉世沙門法炬共法立譯.

昔佛在舍衛國精舍。時有四比丘坐於樹下。共相問言。一切世間何者最苦。一人言。天下之苦無過婬欲。一人言。世間之苦無過瞋恚。一人言。世間之苦無過飢渴。一人言。天下之苦莫過驚怖。共諍苦義云云不止。佛知其言往到其所。問諸比丘屬論何事。即起作禮具白所論。佛言比丘汝等所論不究苦義。天下之苦莫過有身飢渴。寒熱瞋恚驚怖色欲怨禍皆由於身。夫身者眾苦之本。患禍之元。勞心極慮憂畏萬端。三界蠕動更相殘賊。吾我縛著生死不息。皆由於身欲離世苦。當求寂滅。攝心守正怕然無想。可得泥洹此為最樂。於是世尊即說偈言。熱無過婬。毒無過怒。苦無過身。樂無過

滅。無樂小樂。小辯小慧。觀求大者。乃獲大安。我為世尊。長解無憂。正度三有。獨降眾魔。

2.2. Tư liệu Nikaya

Kinh Tiểu bộ, kinh Pháp cú, phẩm An lạc, câu 202.

Lửa nào sánh lửa tham?

Ác nào bằng sân hận?

Khổ nào sánh khổ uẩn,

Lạc nào bằng tịnh lạc.

(*Kinh Tiểu bộ*, tập 1, kinh Pháp cú,
Thích Minh Châu dịch, NXB.TP.HCM, 1999, tr.72)

Kinh Tương ưng bộ, kinh Nước mắt.

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo”. – “Thưa vâng, bạch Thế Tôn”. Các Tỷ-kheo vâng đáp Thế Tôn.

2) - Vô thi là luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bốn biển lớn?

4) - Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng, cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do chúng con than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích,

khi phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bốn biển lớn.

5) - Lành thay, lành thay, này các Tử-kheo! Lành thay, này các Tử-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!

6) Cái này là nhiều hơn, này các Tử-kheo, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bốn biển lớn.

7) Trong một thời gian dài, này các Tử-kheo, các Ông chịu đựng mẹ chết.

8) ... các Ông chịu đựng con chết. ..

9) ... các Ông chịu đựng con gái chết...

10) ... các Ông chịu đựng tai họa về bà con...

11) ... các Ông chịu đựng tai họa về tiền của...

12) Trong một thời gian dài, này các Tử-kheo, các Ông chịu đựng tai họa của bệnh tật. Cái này là nhiều hơn, là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì mình không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải chịu đựng tai họa của bệnh tật chớ không phải nước trong bốn biển.

13) Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tử-kheo... bị tham ái trói buộc.

14) Cho đến như vậy, này các Tử-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

(Kinh Tương ưng bộ, tập 2, chương 4, Tương ưng vô thi, phẩm thứ nhất, kinh Nước mắt, Thích Minh Châu dịch, Viện NCPHVN, 1993, tr.311-313)

3. NHẬN ĐỊNH

Chương này bàn về sự khổ, cụ thể là những thứ khổ do thân. Tư liệu về chương này được phát hiện đầy đủ qua kinh Tạp A-hàm và kinh Tương ưng với nhiều chi tiết sinh động. Các tư liệu về kinh Pháp cú và Pháp cú thí dụ cũng là những liên hệ gần gũi với chương này.

Khổ là một thực tại không thể chối cãi, và nó là thuộc tính cố hữu của chúng sanh khi còn trong vòng luân hồi. Hành đạo tuy khổ, nhưng hứa hẹn tương lai an vui, còn không hành đạo thì hiện tại đã khổ và tương lai cũng thêm khổ mà thôi. Muốn thoát khổ, thì phải thoát khỏi sanh tử luân hồi. Con đường giải thoát có thể tìm thấy trong nhiều chương trước đây.

CHƯƠNG 36

NHỮNG ĐIỀU KHÓ TRONG ĐỜI

1. CHÁNH VĂN

佛言. 夫人離三惡道得為人難. 既得為人去女即男難. 既得為男六情完具難. 六情已具生中國難. 既處中國值奉佛道難. 既奉佛道值有道之君難. 生菩薩家難. 既生菩薩家以心信三尊值佛世難.

Dịch nghĩa

Phật dạy: Chúng sanh lia xa ba đường ác và được làm thân người là khó. Được làm thân người, nhưng vượt qua thân nữ để được thân nam là khó. Đã được thân nam, nhưng có sáu căn đầy đủ là khó. Sáu căn đầy đủ, nhưng được sanh vào vùng giữa nước là khó. Được sanh vào vùng giữa nước, nhưng được phụng thờ Phật pháp là khó. Đã phụng thờ Phật pháp, nhưng gặp được quân vương đức độ là khó. Sinh vào gia đình Bồ-tát là khó. Đã được sanh vào gia đình Bồ-tát, mà có tín tâm đối với ba ngôi Tam bảo, gặp Phật ra đời là khó.

Chú thích

Trung Quốc (Giữa nước): Theo kinh Hiền ngu, quyển thứ 7/ĐTKĐCTT, số 202, thì Trung Quốc được gọi là La-duyệt-kỳ (羅悅祇), cũng còn gọi là Xá-vệ (舍衛), ngôn ngữ Pali gọi là Savatthi, kinh đô của Kosala. Kosala (Kiểu-tát-la) là một trong

sáu quốc gia lớn ở thời Phật. Theo ngữ cảnh, Trung Quốc được hiểu là trung tâm văn hóa của đất nước.

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐTKĐCTT, tập 2, số 125, Kinh Tăng nhất A-hàm, quyển 27, phẩm Tà tỵ, thứ 35, kinh số 8. Đông Tấn, Kế Tân, Tam tạng Cù-đàm Tăng-già Đễ-bà dịch.

... Tỷ-kheo nên biết, Như Lai xuất thế, rất là khó. Được gặp, nghe pháp cũng khó. Thọ nhận thân hình tứ đại cũng lại việc khó được. Các căn đầy đủ cũng lại khó được. Được sanh vào chốn trung ương, cũng lại khó gặp. Gặp gỡ thiện tri thức, cũng lại khó được. Nghe pháp cũng khó, phân biệt nghĩa lý cũng lại khó được. Thành tựu pháp tùy pháp, việc này cũng khó. Nay, Tỷ-kheo, người nếu thân cận thiện tri thức, thì có thể phân biệt các pháp, cũng có thể giảng rộng nghĩa này cho người khác. Nếu đã nghe pháp thì có thể phân biệt. Đã phân biệt pháp rồi thì có thể giảng nói nghĩa của nó. Không có tướng dục, tướng sân nhuế, tướng ngu si; đã lìa ba độc nên thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Nay ta đã nói sơ nghĩa ấy.

(Tăng nhất A-hàm, tập 2, Thích Đức Thắng dịch, NXB. Phương Đông, 2011, tr.383)

大正新脩大藏經第 02 冊 No. 0125 增壹阿含經卷第二十七, 邪聚品第三十五, (八). 東晉罽賓三藏瞿曇僧伽提婆譯.

…比丘當知。如來出世。甚為難值。聞法亦難。受四大形。亦復難得。諸根具足。亦復難得。得生中國。亦復難值。與善知識相遭。亦復難得。聞法亦難。分別義理。亦復難得。法法成就。此事亦難。汝今。比丘。設與善知識從事者。便能分別諸法。亦當與人廣演其義。設當聞法已。則能分別。能分別法已。則能說其義。無有欲想。瞋恚。愚癡之想。以離三毒。便脫生。老。病。死。我今粗說其義。

ĐTKĐCTT, tập 2, số 125, Kinh Tăng nhất A-hàm, quyển thứ 36, phẩm Bát nạn, thứ 42, kinh thứ nhất. Đông Tấn, Kế Tân, Tam tạng Cù-đàm Tăng-già Đề-bà dịch.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Kẻ phàm phu không nghe, không biết thời tiết mà pháp được thuyết. Tỷ-kheo, nên biết, có tám thời tiết mà lúc đó con người không nghe, không được tu hành. Những gì là tám?

Khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, dẫn đến Niết-bàn, sở hành của Như Lai, nhưng chúng sanh này ở trong địa ngục nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ nhất.

Khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này ở trong loài súc sanh nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ hai.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này ở trong loài ngựa quý nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ ba.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này sanh lên trời Trường Thọ nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ tư.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sanh này sanh ở biên địa, phủ bóng Hiền Thánh, tạo các tà nghiệp. Đó gọi là nạn thứ năm.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp dẫn đến Niết-bàn, chúng sanh này tuy sinh ở trung tâm đất nước, nhưng sáu căn không đầy đủ, cũng lại không phân biệt được pháp thiện ác. Đó gọi là nạn thứ sáu.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, chúng sanh này sinh ở trung tâm đất nước, tuy sáu căn lại hoàn toàn, không có thiếu sót; nhưng chúng sanh này tâm thức tà kiến, cho rằng không có người cho, không có vật bố thí, không có người nhận, không có quả báo thiện ác, không có đời này, đời sau, cũng không có cha mẹ; đời không có Sa-môn, Bà-la-môn nào thành tựu được A-la-hán, tự thân chứng ngộ mà an trú. Đó gọi là nạn thứ bảy.

Lại nữa, Như Lai không xuất hiện ở đời, không nói giáo pháp dẫn đến Niết-bàn, dẫu chúng sanh này sinh ở trung tâm đất nước, đầy đủ sáu căn, có thể thọ nhận giáo pháp, thông minh tài giỏi, nghe pháp liền hiểu, tu hành chánh kiến, tin có vật bố thí, có người bố thí, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này, đời sau, đời có Sa-môn, Bà-la-môn, tu chánh kiến, tác chứng đắc A-la-hán. Đó gọi là nạn thứ tám, khiến đồng Phạm hạnh không thể tu hành. Tỷ-kheo, đó gọi là có tám nạn này, khiến Phạm hạnh không thể tu hành.

Ở đây, Tỷ-kheo, có một pháp thời tiết mà người Phạm hạnh có thể tu hành. Một ấy là gì? Ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, mà người này sinh ở trung tâm đất nước, thế trí biện thông, đối vật đều sáng tỏ, tu hành chánh kiến, có thể phân biệt pháp thiện ác, tin có đời này, đời sau, đời có Sa-môn, Bà-la-môn tu chánh kiến, tác chứng, đắc A-la-hán. Đó gọi là một pháp khiến người Phạm hạnh có thể tu hành, đắc đến Niết-bàn”.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tám nạn chẳng một loại,

Khiến người không đắc đạo.

Như nay thời hiện tại,

Thế gian rất khó gặp.
Nên hãy học Chánh pháp,
Chớ mất cơ hội này.
Nhớ lại về quá khứ,
Đã từng sinh địa ngục;
Nên đoạn trừ, vô dục,
Mà tư duy Chánh pháp.
Lâu dài trong thế gian,
Không khi nào dứt tuyệt;
Nên đoạn trừ, vô dục,
Mà tư duy Chánh pháp.
Đoạn hẳn nguồn sinh tử
Lâu dài trong thế gian.
Nay đã được thân người,
Phân biệt pháp chánh chơn.
Những người không đắc quả
Tất sống trong tám nạn.
Nay nói có tám nạn,
Yếu hành của Phật pháp.
Một nạn vẫn nguy kịch,
Như ván nổi ngoài biển.
Tuy sẽ lia một nạn,
Dẫu cho có lý này;
Nếu lia một, bốn để,
Vĩnh viễn lia chánh đạo.
Cho nên phải chuyên tâm

Tư duy lý vi diệu;

Chí thành nghe Chánh pháp

Đạt đến chỗ vô vi.

Cho nên, Tỷ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện xa lìa nơi tám nạn, chớ mong ở trong đó.

Các Tỷ-kheo, hãy học điều này như vậy”.

Các Tỷ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng nhất A-hàm, tập 3, Thích Đức Thắng dịch,
NXB.Phương Đông, 2011, tr.114-117)

大正新脩大藏經第02冊No. 0125增壹阿含經, 卷第三十六, 八難品第四十二, (一). 東晉罽賓三藏瞿曇僧伽提婆譯

聞如是。一時。佛在舍衛國祇樹給孤獨園。爾時。世尊告諸比丘。凡夫之人不聞不知說法時節。比丘當知。有八不聞時節。人不得修行。云何為八。若如來出現世時。廣演法教。得至涅槃。如來之所行。然此眾生在地獄中。不聞不覩。是謂初一難也。若復如來出現世時。廣演法教。然此眾生在畜生中。不聞不覩。是謂第二之難。復次。如來出現世時。廣說法教。然此眾生在餓鬼中。不聞不覩。是謂此第三之難也。復次。如來出現世時。廣演法教。然此眾生在長壽天上。不聞不覩。是謂第四之難也。復次。如來出現世時。廣演法教。然此眾生在邊地生。誹謗賢聖。造諸邪業。是謂第五之難。復次。如來出現世時。廣演法教。得至涅槃。然此眾生生於中國。又且六情不完具。亦復不別善惡之法。是謂第六之難也。若復如來出現世時。廣演法教。得至涅槃。然此眾生在於中國。雖復六情完具。無所缺漏。然彼眾生心識邪見。無人。無施。亦無受者。亦無善惡之報。無今世。後世。亦無父母。世無沙門。婆羅門等成就得阿羅漢者。自身作證而自遊樂。是謂第七之難也。復次。如來不出現世。亦復不說法使至涅槃者。又此眾生生在中國。六情完具。堪任受法。聰明高才。聞法則解。

修行正見. 便有物. 有施. 有受者. 有善惡之報. 有今世. 後世. 世有沙門. 婆羅門等修正見. 取證得阿羅漢者. 是謂第八之難. 非梵行所修行. 是謂. 比丘. 有此八難. 非梵行所修行. 於是. 比丘. 有一時節法. 梵行人所修行. 云何為一. 於是. 如來出現世時. 廣演法教. 得至涅槃. 然此人生在中國. 世智辯聰. 觸物皆明. 修行正見. 亦能分別善惡之法. 有今世. 後世. 世有沙門. 婆羅門等修正見. 取證得阿羅漢者. 是謂梵行人修行一法. 得至涅槃. 爾時. 世尊便說此偈.

八難非一類. 令人不得道. 如今現在前. 世間不可遇. 亦當學正法. 亦莫失是處. 追憶過去等. 便生地獄中. 於是斷無欲. 思惟於正法. 久存於世間. 而無斷滅時. 於是斷無欲. 思惟於正法. 永斷生死原. 久存於世間. 以得於人身. 分別正真法. 諸不得果者. 必遊八難處. 今說有八難. 佛法之要行. 一難猶尚劇. 如板浮大海. 雖當離一難. 然可有此理. 設離一四諦. 永離於正道. 是故當專心. 思惟於妙理. 至誠聽正法. 便得無為處. 是故. 比丘. 當求方便. 遠離八難之處. 莫願其中. 如是. 諸比丘. 當作是學. 爾時. 諸比丘聞佛所說. 歡喜奉行.

2.2. Tư liệu Nikaya

Kinh Tăng chi bộ, kinh Không phải thời.

1. – “Làm việc đúng thời là thế giới, làm việc đúng thời là thế giới”, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu nói như vậy, nhưng vị ấy không biết đúng thời và phi thời. Này các Tỷ-kheo, có tám phi thời, phi thời tiết cho đời sống Phạm hạnh. Thế nào là tám?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và

người này lại bị sanh vào địa ngục. Nay các Tỷ-kheo, đây là phi thời, phi thời tiết thứ nhất cho đời sống Phạm hạnh.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... Phật, Thế Tôn và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và người này lại bị sanh vào loại bàng sanh... người này lại bị sanh vào cõi naga quỷ... người này lại bị sanh vào giữa chư Thiên giới có thọ mạng lâu dài... người này lại bị sanh vào các biên địa, giữa những kẻ vô trí mọi rợ, tại đây, không có hướng đi cho các Tỷ-kheo, cho các Tỷ-kheo-ni, cho nam cư sĩ, nữ cư sĩ... và người này được sanh vào chánh địa, nhưng lại có tà kiến, có tri kiến đảo ngược: “Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những Sa-môn, những Bà-la-môn chánh hướng chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ và truyền dạy lại đời này, đời khác...” và người này được sanh vào đây chánh địa, nhưng người ấy lại ác tuệ, si mê, tâm đố kỵ, không có thể hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo, nói hay, nói dở. Nay các Tỷ-kheo, đây là phi thời, phi thời tiết thứ tám cho đời sống Phạm hạnh.

4. Nay các Tỷ-kheo, có tám phi thời, phi thời tiết này cho đời sống Phạm hạnh.

5. Nay các Tỷ-kheo, chỉ có một chánh thời, một chánh thời tiết này cho đời sống Phạm hạnh. Thế nào là một?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến

tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và người này được sanh vào chánh địa, vị ấy có trí tuệ, không si mê, không cảm đố kỵ, có thể hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo, nói hay, nói dở. Nay các Tỷ-kheo, đây là chánh thời, chánh thời tiết độ nhất cho đời sống Phạm hạnh.

Ai được sanh làm người
 Khi diệu pháp được giảng
 Lại không nắm được thời
 Họ vượt qua khỏi thời
 Nhiều phi thời được nói
 Làm chướng ngại con người
 Chỉ năm khi mười họa
 Như Lai hiện ở đời
 Được giáp mặt với Ngài
 Rất khó được ở đời
 Được sanh ra làm người
 Và diệu pháp được giảng
 Vừa đủ để tinh tấn
 Với ai muốn lợi ích
 Sao biết rõ diệu pháp
 Lại để thời vượt qua!
 Kẻ để thời gian qua
 Sầu muộn tại địa ngục
 Ở đây ai bỏ rơi
 Quyết định tánh diệu pháp
 Như kẻ buôn mất của
 Sẽ sầu não lâu ngày

Người vô minh bao phủ
 Vi phạm đến diệu pháp
 Phải chịu đưng lâu ngày
 Lưu chuyển trong sanh tử
 Ai được sanh làm người
 Trong thời pháp khéo giảng
 Quá khứ, hiện, vị lai
 Làm theo lời Đạo sư
 Nắm được thời ở đời
 Cho vô thượng Phạm hạnh
 Ai đã bước con đường
 Do Như Lai thuyết giảng
 Những ai sống chế ngự
 Do bậc pháp nhãn dạy
 Như đã được thuyết giảng
 Bậc bà con mặt trời
 Hãy sống thường chánh niệm
 Hộ trì không tham dục
 Chặt đứt mọi tùy miên
 Không chạy theo ma giới
 Các vị ấy ở đời
 Đến được bờ bên kia
 Và họ cũng đạt được
 Các lậu hoặc đoạn tận.

(Kinh Tăng chi bộ, chương Tám pháp, phẩm Gia chủ, kinh Không phải thời, Thích Minh Châu dịch, Viện NCPHVN, 1996, tr.590-594)

3. NHẬN ĐỊNH

Chương này bàn về những điều khó ở đời. Số lượng của những điều khó tương tự với nguồn tư liệu mà chúng tôi đã đối chiếu. Tuy nhiên, người biên soạn chương này đã bổ sung thêm vài điều khó nữa, nhưng vẫn lưu xuất từ nền tảng kinh điển.

Khi bàn về những điều khó ở đời, ngoài nguồn tư liệu như đã dẫn ở trên; chúng tôi còn phát hiện trong cả hai hệ Hán tạng và Nikaya đề cập đến nhiều điều khó, với số lượng cao nhất là mười tám điều khó. Đó là, kinh Tăng chi, chương 1 pháp, phẩm Không phóng dật, kinh Một pháp; kinh Lục độ tập, quyển 4, chương Giới độ vô cực; kinh Trung A-hàm, kinh số 124, kinh Bát nạn; kinh Tăng nhất A-hàm, quyển 27, phẩm Tà tụ số 35, kinh số 8; kinh Tạp thí dụ; kinh Tam tuệ. Đáng chú ý, trong Xuất Tam tạng ký tập, quyển 4, ngài Tăng Hựu có xác nhận một bản kinh, gọi là kinh Thập bát nạn. Trong Lịch đại Tam bảo ký, quyển 5, cũng ghi lại rằng có một quyển kinh Thập bát nạn tương tự.

Hiểu được những điều khó, nhận ra hiện trạng may mắn của mình để nỗ lực tu tập, cũng là thông điệp mà chương này gửi gắm.

CHƯƠNG 37

MẠNG NGƯỜI TRONG HƠI THỞ

1. CHÁNH VĂN

佛問諸沙門。人命在幾間。對曰。在數日間。佛言。子未能為道。復問一沙門。人命在幾間。對曰。在飯食間。佛言。子未能為道。復問一沙門。人命在幾間。對曰。呼吸之間。佛言。善哉。子可謂為道者矣。

Dịch nghĩa

Phật hỏi các vị Sa-môn: Mạng người tồn tại trong bao lâu? Có vị đáp: Khoảng vài ngày. Phật bảo: Ông chưa hiểu đạo. Phật lại hỏi vị Sa-môn khác: Mạng người tồn tại trong bao lâu? Đáp rằng: Bằng thời gian một bữa ăn. Phật bảo: Ông chưa hiểu đạo. Phật lại hỏi vị Sa-môn: Mạng người tồn tại trong bao lâu? Đáp rằng: Chỉ trong hơi thở. Phật dạy: Lành thay! Ông xứng đáng là người hiểu đạo.

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐCCTĐTK, tập 17, số 730, Kinh Phật thuyết xứ xứ. Hậu Hán, An Tức, Tam tạng An Thế Cao dịch.

... Phật nói với các vị Tỷ-kheo, phải nhớ nghĩ thân mạng vô thường. Lúc ấy, có vị Tỷ-kheo liền đáp lời Phật: Con nghĩ đời vô thường, mạng sống con người trong thế gian nhiều lắm là năm

mười tuổi. Phật dạy: Chớ nói như vậy. Lại có vị Tỷ-kheo thưa: Mạng sống con người khoảng ba mươi tuổi. Phật dạy: Chớ nói như vậy. Lại có vị Tỷ-kheo thưa: Mạng sống con người khoảng mười tuổi. Phật dạy: Chớ nói như vậy. Lại có vị Tỷ-kheo thưa: Mạng sống con người khoảng một tuổi. Phật dạy: Chớ nói như vậy. Lại có vị Tỷ-kheo thưa: Mạng sống con người khoảng một tháng. Phật dạy: Chớ nói như vậy. Lại có vị Tỷ-kheo thưa: Mạng sống con người khoảng một ngày. Phật dạy: Chớ nói như vậy. Lại có vị Tỷ-kheo thưa: Mạng sống con người khoảng một buổi. Phật dạy: Chớ nói như vậy. Lại có vị Tỷ-kheo thưa: Mạng sống con người trong một hơi thở. Phật dạy: Đúng rồi!

Phật dạy: Hơi thở ra mà không vào thì đã sang đời khác. Mạng sống con người chỉ trong hơi thở là vậy. Phật dạy các vị Tỷ-kheo: Hết thầy các ông khi ngồi hội họp, chỉ nên bàn luận Phật pháp. Nếu không thực hành được như vậy, nhưng có thể nhanh chóng nhắm mắt, khép tai, giữ tâm thuận với việc lành, thì nhờ đó cũng có thể đắc đạo. Các vị Tỷ-kheo, nghe lời Phật dạy như vậy, tâm được hoan hỷ, giải thoát, liền chứng quả A-la-hán.

大正新脩大藏經第 17 冊 No. 0730 佛說處處經。

後漢安息國三藏安世高譯

…佛語比丘。當念身無常。有一比丘。即報佛言。我念非常。人在世間極可五十歲。佛言。莫說是語。復有一比丘言。可三十歲。佛復言。莫說是語。復有一比丘言。可十歲。佛言。莫說是語。復有一比丘言。可一歲。佛復言。莫說是語。復有一比丘言。可一月。佛復言。莫說是語。復有一比丘言。可一日。佛復言。莫說是語。復有一比丘言。可一時。佛復言。莫說是語。復有一比丘言。可呼吸間。佛言是也。佛言。出息不還則屬後世。人命在呼吸之間耳。佛語諸比丘。當會坐一切。但當說法語。不能者急閉目聲。守意善聽。可從得道。諸比丘聞佛說此語。歡喜意解。即得阿羅漢道。

2.2. Tư liệu Nikaya

Kinh Tăng chi bộ, kinh Niệm chết.

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Nàtika, tại Ginjakàvasatha. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo”. “Thưa vâng, bạch Thế Tôn”.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - Niệm chết, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử. Này các Tỷ-kheo, các Thầy hãy tu tập niệm chết.

3. Được nói như vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con có tu tập niệm chết.

- Này Tỷ-kheo, Thầy tu tập niệm chết như thế nào?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng ta sống ngày và đêm tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”. Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

4. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

- Này Tỷ-kheo, Thầy tu tập niệm chết như thế nào?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng ta sống trọn ngày, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”. Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

5. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

- Này Tỷ-kheo, Thầy tu tập niệm chết như thế nào?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng ta sống trọn nửa ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”. Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

6. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

- Nay Tỷ-kheo, Thầy tu tập niệm chết như thế nào?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng, cho đến khi nào ta còn ăn một phần đồ ăn khát thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”. Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

7. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

- Nay Tỷ-kheo, Thầy tu tập niệm chết như thế nào?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng, cho đến khi nào ta còn ăn nửa phần đồ ăn khát thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”. Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

8. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

- Nay Tỷ-kheo, Thầy tu tập niệm chết như thế nào?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng, cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt bốn, năm miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”. Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

9. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

- Nay Tỷ-kheo, Thầy tu tập niệm chết như thế nào?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Mong rằng, cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt một miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”. Con đã làm

như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

10. Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

- Nay Tỷ-kheo, Thầy tu tập niệm chết như thế nào?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: “Cho đến khi nào sau khi thở vào, ta thở ra, hay sau khi thở ra, ta thở vào, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn”. Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

11. Được nghe nói như vậy, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

- Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: “Mong rằng ta sống ngày và đêm, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy”.

- Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: “Mong rằng ta sống trọn ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy”. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: “Mong rằng ta sống trọn nửa ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy”. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: “Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn phần đồ ăn khát thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy”. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: “Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn nửa phần đồ ăn khát thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy”. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: “Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt bốn, năm miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy”... Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này

tu tập niệm chết như sau: “Mong rằng cho đến khi nào khi thở vào, ta thở ra, hay sau khi thở ra, ta thở vào, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy”. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là những vị sống không phóng dật, tu tập rất sắc sảo niệm chết để đoạn diệt các lậu hoặc. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, cần phải tu học như sau: “Hãy sống không phóng dật. Ta sẽ tu tập một cách sắc sảo niệm chết, để đoạn diệt các lậu hoặc”.

Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

(*Kinh Tăng chi bộ*, tập 4, chương 8 pháp, phẩm Song đôi, kinh Niệm chết, Thích Minh Châu dịch, Viện NCPHVN, 1996, tr.13-18)

3. NHẬN ĐỊNH

Qua đối chiếu, chúng tôi có đủ cơ sở để tin rằng, chương này được hình thành từ bài kinh Phật thuyết xứ xứ do ngài An Thế Cao dịch. Bản kinh tương tự không tìm thấy trong tạng Pali, chỉ có một bài kinh nhỏ trong Tăng chi cùng đề cập đến nội dung đã được dẫn ở trên.

Quan niệm mạng người trong hơi thở, còn được kinh Phật bát Nê-hoàn, quyển hạ; kinh Tạp A-hàm, bản biệt hành đời Ngụy; kinh Lục độ tập, quyển 4; kinh Tu hành đạo địa, quyển 5; kinh Quán thân... đề cập. Tuy nhiên, chỉ có bản kinh Phật thuyết xứ xứ mới ghi đầy đủ và chi tiết, hơn cả câu chuyện trong chương 37 này.

Nhận thức đúng về sự tồn tại mong manh của kiếp người, là một nhận thức tích cực, giúp cho hành giả tinh tấn trong tu tập.

CHƯƠNG 38

GẦN PHẬT - XA PHẬT

1. CHÁNH VĂN

佛言. 弟子去離吾數千里. 意念吾戒必得道. 在吾左側
意在那終不得道. 其實在行. 近而不行. 何益萬分耶.

Dịch nghĩa

Phật dạy: Đệ tử tuy cách xa Ta vài ngàn dặm, nhưng luôn nghĩ đến giới luật đã thọ trì, tất sẽ đắc đạo. Thân cận bên Ta, nhưng tâm luôn hướng tà thì chung cuộc không thể đắc đạo. Chân lý của đạo căn cứ vào sự hành trì. Thân cận mà không hành trì, thì chẳng có lợi ích gì, dù chỉ là một phần nhỏ.

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐTKĐCTT, số 211, Kinh Pháp cú thí dụ, quyển thứ nhất, phẩm Hộ giới, thứ hai. Đời Tấn, Sa-môn Pháp Cự và Pháp Lập cùng dịch.

Xưa, Đức Phật ở tại tinh xá Kỳ-hoàn thuộc nước Xá-vê thuyết pháp cho chúng Trời, Người.

Lúc ấy, ở nước La-duyệt-kỳ có hai vị Tỷ-kheo tân học muốn đến yết kiến Đức Phật. Giữa hai nước ấy có một khoảng đồng rộng, không có người sinh sống, lúc ấy lại gặp thời tiết nắng hạn nên suối ao đều khô cạn. Hai người cháy khát, cổ họng khô khốc,

thì gặp được con suối nhỏ còn một chút nước, nhưng có nhiều côn trùng nên không thể uống.

Hai người liền nói với nhau:

- Chúng ta từ xa tới, mong được chiêm ngưỡng Đức Phật, không ngờ hôm nay phải bỏ mạng tại nơi này.

Một người bảo:

- Hay là chúng ta nên tạm uống nước này để giữ gìn thân mạng và có thể đi đến gặp Phật. Vả lại, việc này cũng không ai biết cả.

Người kia đáp:

- Phật chế giới luật lấy nhân từ làm gốc. Vì sự sống của mình mà phải giết hại chúng sanh, tuy thấy Phật thì cũng vô ích. Tôi thà giữ giới mặc dù có thể chết, còn hơn phạm giới mà sống.

Một người quyết định uống nước thỏa thích, sau đó ra đi. Người kia không uống nước nên khát khô đến chết, nhưng ngay sau đó sanh lên tầng trời thứ hai¹, tức Trời Đao-lợi. Vị Trời này khởi tâm quán xét nên biết rằng, nhờ giữ giới chu toàn nên được sanh Thiên, do lòng tin giới luật mạnh mẽ nên phước báo không xa. Vị Trời này tức thì mang hương hoa đến tinh xá Phật, trước Phật lễ bái rồi đứng hầu một bên.

Vị Tỷ-kheo đã uống nước, phải trải qua nhiều ngày cực khổ mới đến nơi. Thấy Phật oai thần tôn dung thoát tục, sau khi đảnh lễ xong liền khóc lóc bạch Phật:

- Con còn có một người bạn, người ấy bị chết giữa đường nên không đến đây được, nguyện Phật chứng tri.

Đức Phật đáp:

- Ta đã biết rồi!

Phật đưa tay chỉ vào vị Trời đứng hầu bên cạnh và nói tiếp:

- Vị Thiên nhân này là bạn của người đó. Do người này giữ trọn giới luật nên được sanh Thiên, lại đến trước cả người nữa.

Ngay khi đó, Thế Tôn đã vén y bày ngực và bảo rằng: Ông tuy thấy thân Ta, nhưng không giữ giới luật của Ta, tuy ông thấy Ta nhưng Ta không thấy ông. Có kẻ tuy cách xa Ta vạm dậm nhưng phụng hành kinh điển và giới luật, thì người đó như đứng trước mặt Ta.

大正新脩大藏經第 04 冊 No. 0211 法句譬喻經, 卷第一, 護戒品第二

晉世沙門法炬共法立譯。

昔佛在舍衛國祇桓精舍。為諸天人宣演經法。時羅閱祇國有二新學比丘。欲往見佛。二國中間曠無人民。于時早熱泉水枯竭。二人飢渴熱暈呼吸故泉之中有升餘水而有細蟲不可得飲。二人相對曰。故從遠來欲望見佛。不圖今日沒命於此也。一人言曰。且當飲水以濟吾命。進前見佛焉知其餘也。一人答曰。佛之明戒仁慈為首。殘生自活見佛無益。寧守戒而死不犯戒而生也。一人即起極意快飲。於是進路。一人不飲遂致殞命。即生第二忉利天上。思惟自省即識宿命持戒不犯。今來生此信哉福報其不遠矣。即持華香下到佛所。為佛作禮却住一面。其飲水者道路疲頓經日乃達。見佛神德至尊巍巍。稽首禮畢涕泣自陳。我伴一人於彼命終感其不達願佛知之。佛言。吾已明矣。佛以手指曰。今此天人則汝伴也。全戒生天又先至矣。於是世尊披胸示之。汝觀我形不奉我戒。雖云見我我不見汝也。去我萬里奉行經戒此人則為在我目前。

ĐTKĐCTT, tập 2, số 125, Kinh Tăng nhất A-hàm, quyển thứ 11, phẩm Thiện tri thức, thứ 20, kinh số 5. Đông Tấn, Kế Tân, Tam tạng Cù-đàm Tăng-già Đề-bà dịch.

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật trú tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy các Tỷ-kheo:

Nếu có chúng sanh biết báo đáp, người này đáng kính, ân nhỏ còn không quên huống chi ân lớn. Cho dù người đó cách chốn này ngàn do-tuần, trăm ngàn do-tuần mà không là xa, cũng như gần Ta không khác. Vì sao vậy? Tỷ-kheo nên biết, vì ta thường khen ngợi người biết báo đáp.

Có những chúng sanh không biết báo đáp, ân lớn còn quên huống chi ân nhỏ. Kẻ đó chẳng gần Ta. Ta chẳng gần kẻ đó. Giả sử khoác Tăng-già-lê hầu hạ bên Ta, kẻ này cũng như xa. Vì sao vậy? Ta không bao giờ nói về người không báo đáp. Cho nên, này các Tỷ-kheo, hãy nhớ báo đáp, chớ học không báo đáp.

Các Tỷ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.

Các Tỷ-kheo sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

(Tăng nhất A-hàm, tập 1, Thích Đức Thắng dịch, NXB. Phương Đông, 2011, tr.339)

大正新脩大藏經第02冊No. 0125增壹阿含經, 卷第十一, 善知識品第二十, 五.

東晉罽賓三藏瞿曇僧伽提婆譯

聞如是。一時。佛在舍衛國祇樹給孤獨園。爾時。世尊告諸比丘。若有眾生知反復者。此人可敬。小恩尚不忘。何況大恩。設使離此間千由旬。百千由旬。故不為遠。猶近我不異。所以然者。比丘當知。我恒歎譽知返復者。諸有眾生不知反復者。大恩尚不憶。何況小者。彼非近我。我不近彼。正使著僧伽梨在吾左右。此人猶遠。所以然者。我恒不說無反復者。是故。諸比丘。當念反復。莫學無反復。如是。諸比丘。當作是學。爾時。諸比丘聞佛所說。歡喜奉行。

2.2. Tư liệu Nikaya

Kinh Tiểu bộ, kinh Phật thuyết như vậy.

Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo nắm lấy viền áo Tăng-

già lê đi theo sau lưng Ta, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có tham ái trong các dục, với lòng sắc sảo, với tâm sân hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang dại, vị ấy xa hẳn Ta và Ta xa vị ấy. Vì cố sao?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không thấy Pháp. Do không thấy Pháp nên không thấy Ta. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống xa đến một trăm do-tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với lòng tham không sắc sảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hẳn Ta và Ta gần vị ấy. Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy thấy Pháp. Do thấy Pháp nên thấy Ta.

Nếu có thể bước theo,
 Nhưng nhiều dục bực phiền.
 Hãy xem người như vậy,
 Thật là xa, rất xa,
 Xa giữa người ái dục
 Và người không ái dục,
 Xa giữa người lắng dịu
 Và người không lắng dịu,
 Xa giữa người tham ái
 Và người đã trừ ái.
 Sau khi thắng tri Pháp,
 Bạc Hiền trí biết Pháp,
 Như ao không gió thổi,
 Không dao động, tịnh chỉ.

Hãy xem người như vậy,
 Thật là gần, rất gần,
 Gần giữa người không ái,
 Và người không có ái,
 Gần giữa người lắng dịu,
 Và người được lắng dịu,
 Gần giữa người không tham,
 Và người trừ tham ái.

(Kinh Tiểu bộ, tập 1, kinh Phật thuyết như vậy, chương 3, phẩm 5, Thích Minh Châu dịch, NXB.TP.HCM, 1999, tr.420-422)

Tích truyện Pháp cú, phẩm Tỷ-kheo, thứ 25, Người thấy Chánh pháp là thấy Ta.

Tỷ-kheo nhiều hân hoan....

Đức Thế Tôn dạy những lời này khi Ngài đang ở tại Trúc-lâm, liên quan đến Trưởng lão Vakkali.

Tại thành Xá-vệ, có một thanh niên dòng Bà-la-môn. Một ngày nọ, chàng thấy Đức Như Lai đi vào thành khất thực. Trông tướng hảo uy nghiêm của Đức Phật, chàng rất yêu thích, và chán ghét hình ảnh của mình, chàng nghĩ thầm: "Ta sẽ tìm cách để được nhìn Đức Như Lai suốt ngày". Chàng bèn theo Phật xuất gia và ở trong Tăng đoàn. Thầy Sa-môn này cứ luôn luôn tìm chỗ đứng có thể chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn, chẳng màng đến kinh kệ và thiền định. Đức Như Lai biết vậy, và đợi cho trí tuệ của thầy thuần thực, Ngài không nói một lời. Ngày nọ, Đức Phật nghĩ: "Bây giờ trí tuệ của thầy ấy đã thuần thực". Ngài bèn bảo:

- Nay Vakkali, đâu có gì thích thú khi ngắm một hợp thể bất tịnh gọi là thân Ta? Nay Vakkali, người nào thấy Pháp là thấy Ta.

Nhưng mặc lời khuyên của Đức Như Lai, thầy Vakkali vẫn không thể rời tia mắt khỏi Đức Phật, hoặc lia khỏi chỗ Phật ngồi. Cuối cùng Đức Phật nghĩ: “Thầy Sa-môn này sẽ không bao giờ tỉnh ngộ, trừ phi gặp một cơn xúc động lớn”. Lúc ấy, mùa an cư đã đến, Đức Như Lai tìm nơi an cư. Ngài về thành Vương-xá, đuổi thầy Vakkali trở lại Trúc-lâm. Và suốt ba mùa trăng, Vakkali không được thấy Phật, không được nghe Ngài nói. Buồn quá, thầy sinh ra ý tưởng muốn tự tử. Thầy bèn leo lên ngọn Linh-thúy và định nhảy xuống chết.

Đức Thế Tôn biết thầy quá đau khổ và chán đời, Ngài nghĩ thầm: “Nếu thầy Vakkali không được sự an ủi của Ta, thầy sẽ làm hỏng cả dịp chứng quả Thánh”. Lập tức Ngài bèn hiện thân trước thầy Vakkali, lúc đó đang toan đâm đầu xuống núi. Vừa thấy Đức Như Lai, thầy liền cảm thấy yêu đời, nỗi buồn khổ tiêu tan. Và như rót đầy nước vào một đáy hồ khô cạn, Đức Như Lai đã làm tuôn dậy mối hoan hỷ trong lòng thầy. Ngài nói kệ:

(381) Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
 Tịnh tín giáo pháp Phật,
 Chúng cảnh giới tịch tịnh,
 Các hạnh an tịnh lạc.

Đức Như Lai đưa tay về phía thầy Vakkali và bảo:

Đến đây Vakkali!
 Nhìn Như Lai chớ sợ.
 Ta sẽ đưa tay đỡ
 Như kéo voi sa lầy
 Vakkali, đến đây!
 Nhìn Như Lai chớ sợ.
 Ta giúp người giải thoát,

Như gỡ được mặt trời,
 Ra khỏi cơn nhật thực.
 Đến đây, Vakkali
 Nhìn Như Lai chớ sợ.
 Ta sẽ giải thoát ngươi,
 Như gỡ vàng trắng tỏ
 Cho khỏi bị nguyệt thực.

Thầy Vakkali nghĩ thầm: “Ta vừa thấy được đấng Thập Lực, và Ngài bảo ta hãy đến bên Ngài!”. Lòng thầy tràn ngập hân hoan. “Ta làm sao đến được?”, thầy tự nghĩ thế. Đứng trên đỉnh núi cao, dù chẳng thấy có đường đi, thầy tung mình nhảy vào không trung đến trước mặt đấng Thập Lực ngay khi vừa nghe những chữ đầu của câu Pháp cú. Và trong lúc đang bay, suy niệm bài kệ của Đức Thế Tôn, thầy chế ngự được cơn hoan lạc và chứng A-la-hán cùng một lúc với các thần thông. Và đầy lòng cảm thán Đức Như Lai, thầy hạ xuống đất, đảnh lễ Đức Phật. Thế Tôn xếp thầy đệ nhất trong hàng đệ tử có lòng tin chân thật.

*(Tích truyện Pháp cú, tập 3, NXB. Tôn Giáo, 2012,
 Thiền viện Viên Chiếu, dịch, tr.292-295)*

3. NHẬN ĐỊNH

Dù ở bên cạnh Như Lai nhưng không hành trì giới luật và giáo pháp, thì vẫn xa Như Lai và ngược lại, là chủ đề chính của chương này. Bối cảnh của câu chuyện này được trình bày trong nhiều dị bản sinh động, với chủ đích nhấn mạnh sự tu tập, hành trì.

Cùng liên quan đến chương này là câu chuyện của Tỷ-kheo Bạt-ca-lê (跋迦梨 = Vakkali) được ghi lại trong Trường

lão Tăng kệ. Theo tự thuật, khi còn xuân xanh, Tỷ-kheo Vakkali lúc nào cũng muốn thân cận Đức Phật, không chú tâm nghe Pháp, mà chỉ lo chiêm ngưỡng tôn dung của Đức Phật. Trong trường hợp này, Đức Phật đã có những giáo hóa cứng rắn, để cuối cùng vị Tỷ-kheo ấy chứng đắc quả vị A-la-hán.

Trong kinh Tương ưng, tập ba, chương một, Tương ưng uẩn, phần e, phẩm Trưởng lão, Đức Phật dạy: Đây Vakkali, ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy Pháp. Đây Vakkali, đang thấy Pháp, là thấy Ta. Đang thấy Ta, là thấy Pháp. Ở Hán tạng, kinh Liễu bốn sanh tử mang số hiệu 708, thuộc tập 16, ĐTKĐCTT do Ưu-bà-tắc Chi Khiêm dịch cũng xác tín điều tương tự: Nếu Tỷ-kheo thấy được lý Duyên khởi, tức là thấy Pháp. Đã thấy Pháp, tức là thấy Ta (若比丘見緣起為見法. 已見法為見我).

(1) Tầng Trời thứ hai:

1. Tứ Thiên Vương
2. Đạo-lợi (Trời 33)
3. Dạ-ma
4. Đâu-suất
5. Hóa Lạc
6. Tha Hóa Tự Tại.

Đây là sáu tầng trời thuộc cõi Dục.

CHƯƠNG 39

PHẬT PHÁP THUẦN MỘT VỊ

1. CHÁNH VĂN

佛言. 人為道猶若食蜜中邊皆甜. 吾經亦爾. 其義皆快. 行者得道矣.

Dịch nghĩa

Phật dạy: Người học hỏi giáo pháp cũng như ăn mật, thì ở giữa hay xung quanh đều ngọt. Pháp của ta cũng vậy. Hành giả đối với nghĩa lý của kinh pháp, đều khởi sinh pháp lạc, tức sẽ chứng đạo.

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐTKĐCTT, tập 1, số 026, Kinh Trung A-hàm, quyển thứ 28, phẩm Lâm, kinh Mật hoàn dụ, thứ chín, kinh số 115. Phật-đà Da-xá và Trúc Phật Niệm dịch.

“Này các Tỷ-kheo, ví như có người do đi đến chỗ rừng vắng, trong rừng sâu, giữa những cây cối, bỗng nhiên gặp được bánh mật, vị ấy ăn, thưởng thức vị ngọt; thiện nam tử cũng giống như vậy, ở trong Pháp Luật chân chánh này của Ta, tùy theo những gì được quán sát, vị ấy thưởng thức được vị ngọt của nó. Quán sát con mắt, thưởng thức được vị ngọt. Quán sát tai, mũi, lưỡi, thân, quán sát ý thưởng thức được vị ngọt”. Bấy

giờ Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Đức Thế Tôn, Tôn giả A-nan liền chấp tay hướng Phật mà bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, Pháp này tên gọi là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

- Nay A-nan, Pháp này tên là 'Mật hoàn dụ', ông hãy nên nhận lãnh và ghi nhớ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Các người hãy nhận lãnh pháp 'Mật hoàn dụ' này, phải thường tụng đọc. Vì sao vậy? Nay các Tỷ-kheo, pháp 'Mật hoàn dụ' này có pháp, có nghĩa, là gốc của phạm hạnh, dẫn đến trí thông, dẫn đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Nếu là thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, thì hãy nên khéo léo nhận lãnh, ghi nhớ pháp 'Mật hoàn dụ' này".

Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỷ-kheo sau khi nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

(*Trung A-hàm*, tập 2, Tuệ Sỹ dịch và chú,
NXB.Phương Đông, 2009, tr. 333-334)

大正新脩大藏經第 01 冊 No. 0026 中阿含經, 卷第二十八
(一一五)林品, 蜜丸喻經第九.

比丘。猶如有人因行無事處。山林樹間。忽得蜜丸。隨彼所食而得其味。如是族姓子於我此正法。律。隨彼所觀而得其味。觀眼得味。觀耳。鼻。舌。身。觀意得味。爾時。尊者阿難執拂侍佛。於是。尊者阿難叉手向佛。白曰。世尊。此法名何等。我當云何奉持。世尊告曰。阿難。此法名為蜜丸喻。汝當受持。於是。世尊告諸比丘。汝等受此蜜丸喻法。當諷誦讀。所以者何。比丘。此蜜丸喻有法有義。梵行之本。趣通趣覺。

趣於涅槃. 若族姓子剃除鬚髮. 著袈裟衣. 至信. 捨家. 無家. 學道者. 當善受持此蜜丸喻. 佛說如是. 尊者阿難及諸比丘聞佛所說. 歡喜奉行.

ĐCTTĐTK, tập 2, số 125, Kinh Tăng nhất A-hàm, quyển thứ 37, phẩm Tám nạn, kinh số 4. Đông Tấn, Kế Tân, Tam tạng Cù-đàm Tăng-già Đề-bà dịch.

... Lại nữa, pháp của Ta đều cùng một vị, đó là vị tám phẩm đạo Hiền Thánh. Đó gọi là pháp hiếm có thứ tư, như biển cả kia đều cùng một vị.

(Tăng nhất A-hàm, tập 3, Thích Đức Thắng dịch, NXB.Phương Đông, 2011, tr.148)

大正新脩大藏經第 02 冊 No. 0125 增壹阿含經, 卷第三十七, 八難品第四十二, 四. 東晉罽賓三藏瞿曇僧伽提婆譯

…復次. 我法中皆同一味. 所謂賢聖八品道味. 是謂第四未曾有之法也. 如彼大海悉同一味.

ĐTKĐCTT, tập 4, số 210, Kinh Pháp cú, quyển hạ, phẩm Ái dục. Tôn giả Pháp Cúu Soạn. Ngô Thiên Trúc, Sa-môn Duy-kỳ-nan và những người khác cùng dịch.

Pháp thí, thí tối thắng

Chúng hương, hương đạo hạnh

Chúng lạc, pháp lạc hơn

Ái diệt, vượt các khổ.

大正新脩大藏經第 04 冊 No. 0210 法句經卷下, 愛欲品尊者法救撰. 吳天竺沙門維祇難等譯

眾施經施勝

眾味道味勝

眾樂法樂勝

愛盡勝眾苦

2.2. Tư liệu Nikaya

Kinh Trung bộ, kinh Mật hoàn.

... Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, như một người bị đói lả và mệt mỏi, tìm được một bánh mật, cứ mỗi miếng vị ấy được nếm, cứ mỗi miếng vị ấy được thưởng thức vị ngọt thuần nhất. Bạch Thế Tôn, cũng vậy, Tỷ-kheo có trí thức biệt tài, cứ mỗi phần suy tư đến ý nghĩa pháp môn này với trí tuệ, cứ mỗi phần vị ấy được thưởng thức sự hoan hỷ, được thưởng thức sự thoải mái tâm trí. Bạch Thế Tôn, pháp môn này tên gọi là gì?

- Do vậy, này Ananda, pháp môn này được gọi là pháp môn Bánh mật (Mật hoàn). Hãy như vậy thọ trì!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ananda hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

(*Kinh Trung bộ*, tập 1, kinh Mật hoàn,
Thích Minh Châu dịch, Viện NCPHVN, 1999, tr. 258-259)

Kinh Tiểu bộ, kinh Pháp cú, phẩm Tham ái, câu 354.

Pháp thí, thắng mọi thí!

Pháp vị, thắng mọi vị!

Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!

Ái diệt, dứt mọi khổ!

(*Kinh Tiểu bộ*, tập 1, kinh Pháp cú, Thích Minh Châu dịch,
NXB.TPHCM, 1999, tr.101)

Kinh Tăng chi bộ, kinh A-tu-la Pahàrada.

16. Ví như, này Pahàrada, biển lớn chỉ có một vị mặn. Cũng vậy, này Pahàrada, Pháp và Luật cũng chỉ có một vị là vị giải thoát. Này Pahàrada, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vị diệu

chưa từng có thứ sáu mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

(*Kinh Tăng chi bộ*, chương Tám pháp, phẩm Lớn, kinh A-tu-la Pahàràda, Thích Minh Châu dịch, Viện NCPHVN, 1996, tr.563)

3. NHẬN ĐỊNH

Pháp của Phật đều thuần nhất một vị, như biển chỉ có một vị mặn hay như mật chỉ có một vị ngọt. Pháp vị là vị giải thoát.

Ấn dụ bát mật ngoài tính chất là một vị ngọt thuần chất, còn hàm nghĩa là sự vui mừng, thích thú đối với giáo pháp, thuật ngữ Phật học gọi là Pháp lạc. Pháp lạc là niềm vui trong giáo pháp, là tiền đề mở ra mọi sự thành tựu. Chính vì vậy nên chương này khẳng định rằng, có được niềm vui trong giáo nghĩa Phật-đà là tiền đề dẫn đến sự đắc đạo.

Chương này bảo đảm về nguồn gốc tư liệu và được tổng hợp từ nhiều bộ kinh khác nhau.

CHƯƠNG 40

NHỔ GỐC ÁI DỤC

1. CHÁNH VĂN

佛言. 人為道能拔愛欲之根. 譬如摘懸珠. 一一摘之. 會有盡時. 惡盡得道也.

Dịch nghĩa

Phật dạy: Người hành đạo cần phải nhổ tận gốc rễ ái dục. Ví như ngắt một chuỗi ngọc, lần lượt ngắt từng viên thì có lúc hoàn thành. Cũng vậy, lỗi lầm dứt sạch thì chứng đạo.

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐTKĐCTT, tập 4, số 210, Kinh Pháp cú, quyển hạ, phẩm Ái dục. Tôn giả Pháp Cứu Soạn. Ngô, Thiên Trúc, Sa-môn Duy-kỳ-nan và những người khác cùng dịch.

Đốn cây không tận gốc

Cây lại nảy mầm, chồi

Gốc rễ được đoạn tận

Tỷ-kheo vào Niết-bàn.

大正新脩大藏經第 04 冊 No. 0210 法句經卷下, 愛欲品

尊者法救撰

吳天竺沙門維祇難等譯

伐樹忽休
 樹生諸惡
 斷樹盡株
 比丘滅度

ĐTKĐCTT, tập 4, số 212, Kinh Xuất diệu, quyển thứ 5, phẩm Ái, thứ 3. Diêu Tần, Lương Châu, Sa-môn Trúc Phật Niệm dịch.

Đại đạo không cách ta trong gang tấc.

Chặt cây không hết gốc rễ, thì chặt rồi vẫn mọc lại.

Chặt ái không tận gốc, cái khổ vẫn tái phát không ngừng.

Xưa, Phật ở trong Lâm Viên Chiến Thắng Thiện Thí, nước Xá-vệ.

Bây giờ có một người giữ công viên. Trong công viên có một cây độc. Ai du ngoạn, ngồi dưới cây ấy, thì đau đầu, nhức lưng, thậm chí chết liền. Người giữ công viên biết họ là nạn nhân của cây ấy, nên lấy búa dài, đứng xa chặt đi. Chưa đầy một tuần, nó mọc lại như cũ. Lá nó đẹp, ai cũng thích. Ai chưa có kinh nghiệm, đến tránh nắng thì bị họa liền. Người giữ công viên chặt nữa, nó trở lá như cũ, trông đẹp hơn. Cứ như thế, bà con người giữ công viên ham cây che mà chết cả. Còn lại đơn độc, anh đau buồn, lang thang, gặp một người trí thức. Nghe anh kể, người này nói, khổ thế là tại anh cả. Anh chặt cây mà không chặt tận gốc rễ thì chặt cây hóa ra trồng cây. Hãy về đào bỏ gốc cây ấy đi! Anh lú lẫn, nghe thế sợ quá, chạy đến tinh xá Kỳ-hoàn, xin Phật cho xuất gia, làm Tỳ-kheo. Thiện căn đời trước của ông làm cho ông có thể đắc độ. Phật ngoái nhìn ông rồi nói giữa đại chúng đông đảo Pháp cú 78 như trên.

Được nghe Pháp cú ấy, ông, vị Tỷ-kheo ấy, nhớ lại việc mình đã qua, tức thì tự tâm lĩnh hội. Rằng thân thể cũng vậy, ái dục cũng vậy, cũng như cây độc. Cự tuyệt không tận gốc thì tái phát tất cả, sinh tử sẽ bất tận. Vị Tỷ-kheo quán đi, xét lại, thấy cái Thân, và cái Ái ái cái Thân, toàn thân chẳng có gì đáng ham thích. Ngay nơi chỗ ông ngồi, vị Tỷ-kheo tức thì thật hiện đạo quả Tu-đà-hoàn, rồi Tư-đà-hàm, rồi A-na-hàm, rồi A-la-hán. A-la-hán mà là Lục thông A-la-hán. Ở giữa đại chúng đông đảo, ông tự cảm kích, ba lần thốt lên: “Tốt quá! Đại đạo cách ta trong gang tấc! Nhờ ơn Phật, ta sạch hết phiền não, sạch hết ái dục, gốc rễ của phiền não”. Ông đứng lên, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi thăng lên không trung, ông biểu hiện đủ cả 18 thần biến, hạ xuống, thể nhập Vô dư Niết-bàn.

(Tỷ-kheo Trí Quang, *Tổng tập Pháp cú*, NXB.TP.HCM, 2012, tr.276-278)

大正新脩大藏經第 04 冊 No. 0212 出曜經卷第五, 愛品第三
姚秦涼州沙門竺佛念譯

昔佛在舍衛國祇樹給孤獨園。時有守園人瞻守官園。當園中間生一毒樹。諸有男女入園遊觀停息此樹下者。或頭痛欲裂。或腰脊疼痛。或即於樹下便命終者。時守園人知為毒樹。復見眾人遭諸苦難。即施 [金*斧] 柯柯長一丈餘。遙斫毒樹。未經旬日即生如故。然彼毒樹枝葉團足樹中之妙。眾人見者。無不歡喜其中眾生。不知忌諱未遭此難。共往奔彼自蔭其身。影未移間復遭苦厄。時守園人復於異日以 [金*斧] 往斫樹生如故。倍復殊妙。如是數斫生生如舊。彼守園人宗族五親妻息僕使。貪樂樹蔭盡取命終。其人單孑一己晝夜愁憂號悲。而行路遇智者。自陳酸苦其痛萬端。是時智者。告園人曰。此眾苦惱卿自為耳。夫欲止流莫若高隱。欲伐樹者。當盡根原。卿所施功。但種生栽何言伐樹。汝今速往掘出根本。其人意迷復慮死至。設我往彼掘出樹根。定死無

疑. 若我死後官當更立守此園者. 我族正爾滅盡無餘. 亦無繼嗣續我後者. 宜自逃走出家學道. 至舍衛國祇洹精舍. 詣諸道人得作沙門. 然彼園人昔種善福根栽. 垂熟應入律行. 是時世尊還顧視彼比丘. 在大眾中而說此偈. 伐樹不盡根. 雖伐猶復生. 伐愛不盡本. 數數復生苦. 時彼比丘聞說斯偈. 便自追本自所經歷. 即自心悟. 內自剋責. 思惟四大穢漏之患. 念彼毒樹數數往伐生生不息. 今四大身與彼無異. 愛根深固不伐根者. 枝流不斷. 便當就於生老病死. 沒彼生此沒此生彼如是流轉. 永無休息. 猶如毒樹自伐其根復害眾人. 此愛結使亦復如是. 自毀其命. 復能外損智慧之性. 爾時比丘. 反覆重疊觀此五陰. 從頭至足無一可貪. 即於座上. 得須陀洹果斯陀含阿那含阿羅漢果. 六通清徹. 在大眾中. 心自感激. 三自稱善快哉. 大道不距微細. 今蒙聖恩. 得盡諸漏. 即從座起. 繞佛三匝. 還復本座. 現十八變. 於無餘泥洹界而取泥洹.

2.2. Tư liệu Nikaya

Kinh Tiểu bộ, kinh Pháp cú, phẩm Tham ái, câu 340.

Dòng ái dục chảy khắp,

Như dây leo mọc tràn,

Thấy dây leo vừa sanh,

Với tuệ, hãy đoạn gốc.

(*Kinh Tiểu bộ*, tập 1, kinh Pháp cú,

Thích Minh Châu dịch, NXB.TP.HCM, 1999, tr.98)

Tích truyện Pháp cú, phẩm Tham ái. Chuyện con heo nái tơ.

Như cây bị chặt đứt...

Câu chuyện xảy ra khi Đức Thế Tôn ở tại tinh xá Trúc-lâm, liên quan đến chị heo nái tơ nọ sống lẫn lóc trong đồng phân.

Chuyện kể rằng, một hôm Đức Thế Tôn vào thành Vương-xá khát thực, gặp một con heo nái tơ. Ngài mỉm cười, Trưởng lão A-nan trông thấy vắng hào quang chói sáng từ răng Ngài, liền hỏi lý do:

- Bạch Thế Tôn, tại sao Ngài cười?

Đức Phật bảo:

- Nay A-nan, hãy nhìn con heo nái tơ kia.

- Con có thấy nó, bạch Thế Tôn!

- Vào thời Đức Phật Kakusandha, con heo tơ này là một chị gà ở gần thiền đường họ. Chị thường chăm chú nghe một thầy Tỷ-kheo niệm đề mục thiền tu chứng Tuệ giác. Chỉ nghe những âm thanh thiêng liêng kia thôi, cũng khiến chị thoát kiếp được tái sinh vào cung vua, làm công chúa tên Ubbari.

Một hôm công chúa đi vào nhà xí, thấy đống giòi. Liền tại chỗ ấy, chăm chú quan sát đám giòi, tâm định tĩnh, cô nhập Sơ thiền. Sau khi mãn kiếp làm công chúa, cô được sanh vào dòng dõi Bà-la-môn. Từ giai cấp Bà-la-môn, do nghiệp tạo trong kiếp ấy, bây giờ cô lại tái sinh làm con heo nái tơ này. Ta biết những cảnh huống ấy nên cười.

Các Tỷ-kheo đi sau Trưởng lão A-nan lắng nghe Đức Thế Tôn nói, rất xúc cảm. Sau khi tác động tâm tư họ, Đức Phật liền giảng giải sự ngu si của tham ái, và vẫn đứng giữa đường đi, Ngài nói kệ tiếp:

(338) Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền,
Ái tùy miên chưa nhỏ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

(339) Ba mươi sáu dòng ái,
 Trôi người đến khả ái,
 Các tư tưởng tham ái,
 Cuốn trôi người tà kiến.

(340) Dòng ái dục chảy khắp,
 Như dây leo mọc tràn,
 Thấy dây leo vừa sanh,
 Với tuệ, hãy đoạn gốc.

(341) Người đời nhớ ái dục,
 Ưa thích các hỷ lạc,
 Tuy mong cầu an lạc,
 Họ vẫn phải sanh, già.

(342) Người bị ái buộc ràng,
 Vùng vẫy và hoảng sợ,
 Như thỏ bị sa lưới,
 Chúng sanh ái trói buộc,
 Chịu khổ đau dài dài.

(343) Người bị ái buộc ràng,
 Vùng vẫy và hoảng sợ,
 Như thỏ bị sa lưới,
 Do vậy, vị Tỷ-kheo,
 Mong cầu mình ly tham,
 Nên nhiếp phục ái dục.

Sau kiếp ấy, chị heo nái tái sinh vào cung vua ở Suvannabhùmi. Hết kiếp, cô tái sanh ở Ba-la-nại, kiếp sau cô

tái sanh ở cảng Supàraka trong nhà một người lái ngựa, rồi sanh vào nhà một thủy thủ cảng Kavira. Kế tiếp, cô sanh vào nhà một gia đình quý tộc cao sang ở Anuràdhapura. Cuối cùng, cô tái sanh làm con gái ông Sumanà làng Bhokkanta thuộc vùng phía Nam, được đặt tên theo cha là Sumanà.

Khi dân chúng bỏ làng đi hết, cha cô đến vương quốc Diighavaapi, lập nghiệp tại làng Mahàmuni. Lakuntaka Atimbara, Tể tướng vua Dutthagàmani, có việc đến đây gặp cô, liền cưới làm vợ, đưa về sống tại làng Mahàpunna. Một hôm, Trưởng lão Anula trú tại tinh xá Kotipabbata đi khất thực ngang qua nhà trông thấy cô bèn bảo các thầy Tỷ-kheo:

- Nay chư huynh, con heo nái tơ đã trở thành phu nhân ngài Lakuntaka Atimbara, Tể tướng của đức vua, thật lý thú biết bao!

Nghe những lời này, cô bỗng nhớ hết các tiền kiếp của mình và chứng Túc mạng thông. Xúc động sâu xa, cô xin phép chồng từ bỏ đời thế tục, xuất gia theo Tăng đoàn Tỷ-kheo-ni Pancabalaca. Sau khi nghe giảng bài pháp Mahàsatipatthàna tại tinh xá Tissa, cô đắc quả Dự lưu. Rồi khi người Damilas bị tiêu diệt, cô trở về làng Bhokkanta sống với cha mẹ. Tiếp đó, nghe bài pháp Asivisopama tại tinh xá Kallaka, cô đắc quả A-la-hán. Ngày cô nhập Niết-bàn, đáp lời hỏi của các Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni, cô kể hết câu chuyện cho các Tỷ-kheo-ni nghe. Giữa một buổi nhóm chúng của các thầy Tỷ-kheo, với sự giúp đỡ của Trưởng lão Maha Tissa, vị Tỷ-kheo thường giảng nói Pháp cú đang trú tại Mandalàrama, cô kể như sau:

- Vào thời xa xưa, con đánh mất thân người, sanh làm gà mái. Bị điều hâu xót, và tái sanh ở thành Vương-xá, từ bỏ cuộc đời thế tục, làm một Tỷ-kheo-ni hành cước đây đó và tu đạt

đến Sơ thiên. Hết kiếp ấy, con tái sanh vào nhà một trưởng giả. Nhưng chỉ sống ít lâu, con đã bị đọa làm heo nái. Hết kiếp, con tái sanh ở Suvannabhūmi, rồi ở Ba-la-nại, ở cảnh Suppāraka, ở cảnh Kavira, ở Anurādhapura và sau cùng tại làng Bhokkanta. Sau khi trải qua mười ba kiếp thăng trầm như vậy, kiếp này con cảm nhận được sự bất như ý của cuộc sống nên từ bỏ thế tục, xuất gia, và chứng quả A-la-hán. Xin chư vị mỗi người hãy tự mình chánh niệm tinh tấn tiến đến giải thoát.

Lời cô làm tứ chúng vô cùng xúc động. Sau đó cô nhập Niết-bàn.

(Tích truyện Pháp cú, tập 3, Thiền viện Viên Chiếu dịch, NXB.Tôn Giáo, 2012, tr.220-223)

3. NHẬN ĐỊNH

Ái dục muốn dứt trừ thì phải nhổ tận gốc rễ. Ẩn dụ ái dục như một loài cây độc trong kinh Pháp cú thí dụ là hình ảnh rất mực sinh động.

Chương này dựa trên tư liệu kinh Pháp cú và các văn bản chú giải kinh Pháp cú, được cả hệ Hán tạng và Nikaya ghi lại.

Chi tiết ngắt hạt châu có lẽ do người biên tập thêm vào, ý muốn nói rằng, cứ tuần tự thực hiện, tiệm tu, thì sẽ có một ngày dứt hết gốc rễ của ái dục.

CHƯƠNG 41

VƯỢT KHỎI BÙN DƠ

1. CHÁNH VĂN

佛言. 諸沙門行道. 當如牛負行深泥中. 疲極不敢左右顧. 趣欲離泥以自蘇息. 沙門視情欲. 甚於彼泥. 直心念道可免眾苦.

Dịch nghĩa

Phật dạy: Các vị Sa-môn khi hành đạo, phải nghĩ mình như con bò chở nặng đi trong bùn sâu, dù mỗi mệt hết sức nhưng cũng không dám ngoái đầu nhìn sang hai bên. Muốn thoát bùn dơ thì phải nương vào hơi thở tỉnh giác. Sa-môn xem tình dục còn hơn bùn dơ. Một lòng nghĩ về đạo thì vượt khỏi các khổ.

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐTKĐCTT, tập 32, số 1690, Kinh Tân-đầu-lô Đột-la-xà vị Ưu-đà-diên-vương thuyết pháp. Tổng, Thiên Trúc, Tam tạng Cầu-na Bạt-đà-la dịch.

Năm dục này là gốc của các khổ, làm hại thiện căn vốn có của chúng sanh như mưa đá làm hại lúa mạ, nọc độc nảo hại chúng sanh hơn cả rắn độc. Cũng như lửa dữ, thiêu đốt công đức. Cũng như gợn nắng dối gạt phàm phu. Dục như huyễn hóa, làm mê loạn kẻ lầm lạc. Dục giả trá làm thân thiện còn hơn là oán đối.

Dục như bò già, chìm ngập trong vũng bùn dơ. Dục như lưới to phủ khắp ba cõi. Dục như đường kiếm bén khó có thể giảm bước. Dục có thể buộc trời, sát hại chúng sanh. Hết thấy lỗi lầm họa hoạn đều từ dục khởi. (Nguyễn Huệ dịch)

大正新脩大藏經第 32 冊 No. 1690 寶頭盧突羅闍為優陀延王
說法經

宋天竺三藏求那跋陀羅譯

此五欲者。眾苦之本。害於眾生。所有善根。如雹害苗。螫惱眾生。甚於毒蛇。亦如熾火。能燒功德。亦如野馬。誑惑凡夫。亦如幻化。迷亂惑者。欲詐親善。過於怨家。欲如老牛沒溺污泥。欲如大網纏裹三界。欲如劍道難可履踐。欲能繫閉殺害眾生。一切過患。皆從欲起。

ĐTKĐCTT, tập 2, số 99, Kinh Tạp A-hàm, quyển 22, kinh số 591. Tổng, Thiên Trúc, Tam tạng Cầu-na Bạt-đà-la dịch.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Phật bảo các Tỷ-kheo:

Thời quá khứ, trên một hòn đảo, có một Ưu-bà-tắc đến nhà một nam cư sĩ khác, cùng ngồi, cực lực chê bai dục như sau: 'Cái dục này hư vọng, không thật, là pháp hư dối, như huyền hóa, lừa gạt con nít'.

Nói xong rồi trở về nhà mình, phóng túng theo ngũ dục. Tại nhà Ưu-bà-tắc này có Thiên thần đang trú ngụ. Vị Thiên thần này nghĩ thầm: 'Ưu-bà-tắc này không hơn gì, chẳng khác gì các Ưu-bà-tắc khác; ngồi giữa đông người cực lực chê bai dục; nào là: 'Cái dục này giả dối, không thật, là pháp giả dối, lừa gạt con nít. Rồi trở về nhà mình lại phóng túng theo năm dục. Bấy giờ có nên giúp ông ta giác ngộ?', Thiên thần liền nói kệ rằng:

Giữa đám đông tụ họp,
 Chê bai dục vô thường;
 Tự chìm trong ái dục,
 Như bò ngấp bùn sâu.
 Ta xem trong hội kia,
 Các vị Ưu-bà-tắc;
 Đa văn hiểu rõ pháp,
 Gìn giữ giới thanh tịnh.
 Người thấy kia ưa pháp,
 Mà nói dục vô thường;
 Sao tự buông theo dục,
 Chẳng đoạn dứt tham ái?
 Vì sao ham thế gian,
 Chứa vợ con quyến thuộc?

Vị Thiên thần ấy khai thị cho Ưu-bà-tắc kia như thế. Ưu-bà-tắc đó được giác ngộ, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, lòng tin chân chánh, không nhà xuất gia học đạo, tinh cần tu tập, dứt sạch hết các pháp hữu lậu, đắc quả A-la-hán. Phật nói kinh này xong, các Tỷ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

(Tập A-hàm, tập 3, Thích Đức Thắng dịch,
 NXB.Phương Đông, 2010, tr.478-479)

大正新脩大藏經第 02 冊 No. 0099 雜阿含經, 卷第二十二
 宋天竺三藏求那跋陀羅譯。(五九一)

如是我聞。一時。佛住舍衛國祇樹給孤獨園。爾時。世尊告諸比丘。過去世時。海洲上優婆塞至他優婆塞舍會坐。極毀訾欲。言。此欲者。虛妄不實。欺誑之法。猶如幻化。誑於嬰兒。還自己舍。恣

於五欲. 是優婆塞舍有天神止住. 時. 彼天神作是念. 是優婆塞不勝不類. 於餘優婆塞舍會坐眾中極毀訾欲. 言. 如是欲者. 虛偽不實. 欺誑之法. 如誑嬰兒. 還已舍已. 自恣五欲. 我今寧可發令覺悟. 而說偈言. 於大聚會中. 毀訾欲無常. 自沒於愛欲. 如牛溺深泥. 我觀彼會中. 諸優婆塞等. 多聞明解法. 奉持於淨戒. 汝見彼樂法. 而說欲無常. 如何自恣欲. 不斷於貪愛. 何故樂世間. 畜妻子眷屬. 時. 彼天神如是. 如是開覺彼優婆塞已. 如是. 如是彼優婆塞覺悟已. 剃除鬚髮. 著袈裟衣. 正信. 非家. 出家學道. 精勤修習. 盡諸有漏. 得阿羅漢. 佛說此經已. 諸比丘聞佛所說. 歡喜奉行.

2.2. Tư liệu Nikaya

Kinh Tiểu bộ, kinh Pháp cú, phẩm Voi, câu 327.

Hãy vui không phóng dật,

Khéo phòng hộ tâm ý.

Kéo mình khỏi ác đạo,

Như voi bị sa lũy.

(Kinh Tiểu bộ, tập 1, kinh Pháp cú,

Thích Minh Châu dịch, NXB.TP.HCM, 1999, tr.96)

Tích truyện Pháp cú, phẩm Voi, Con voi sa lũy.

Hãy vui không phóng dật...

Câu chuyện xảy ra khi Đức Phật ở tại Kỳ-viên, liên quan đến voi Pàveyyaka.

Vua Ba-tư-nặc có một con voi tên Pàveyyaka. Khi còn nhỏ nó rất mạnh, nhưng trở về già sức lực yếu đi. Một ngày nọ, nó lội ngang các hồ lớn, bị lún chân xuống bùn không bước được. Dân chúng kháo nhau:

- Xem kìa! Con voi hồi nhỏ mạnh như thế, bây giờ yếu như thế.

Nhà vua nghe tin, lập tức ra lệnh cho người quản tượng:

- Hãy kéo con voi ra khỏi đám bùn.

Người quản tượng đi đến bờ hồ, giả cách để cho voi thấy như mình sắp ra trận, đầu đội mũ sắt, trống đánh vang lừng.

Kiêu khí của con voi trở dậy. Nó đứng lên mau mắn, và rút chân ra khỏi sinh, bước liền lên đất khô. Các vị Tỷ-kheo chứng kiến sự việc, về bạch Phật, Phật dạy:

- Nay các Tỷ-kheo, con voi đã tự kéo mình ra khỏi sinh lầy. Như các Ông bị đắm nhiễm trong bãi lầy dục vọng, hãy cố gắng với tất cả sức lực của mình để thoát ra.

Ngài nói kệ:

(327) Hãy vui không phóng dật,
Khéo phòng hộ tâm ý,
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lầy.

*(Tích truyện Pháp cú, tập 3, Thiền viện Viên Chiếu dịch,
NXB.Tôn Giáo, 2012, tr.203-204)*

Kinh Tiểu bộ, Trưởng lão Tăng kệ, Tôn giả Ramniyavihàrim.

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương-xá), con một công dân có tên tuổi và sống đời sống tuổi trẻ trác táng. Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dâm, ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuất gia. Là Tỷ-kheo, ngài vẫn còn những ái dục về thân, ngài sắp đặt phòng ngài thật đầy đủ bàn ghế, đầy đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được tên là Ramaniyavihirim (Người sống trong lạc dục). Nhưng đời sống cũ của ngài làm ngài khó sống đời sống Tỷ-kheo, ngài cảm thấy không xứng đáng để nhận

đồ cúng dường, ngài bỏ đi, bộ hành lang thang đó đây. Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một con bò vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cởi dây cho con bò, cho nó rơm và nước, và làm cho nó đỡ mệt, xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài suy nghĩ: ‘Con bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo đi gánh nặng của mình. Vậy ta phải tinh tấn, sau khi rơi vào rừng nhục dục, cần phải đứng dậy và làm tròn bổn phận của người tu hành’. Rồi ngài trở về, kể lại câu chuyện cho Trưởng lão Upàli và được Upàli chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm, và giúp ngài trở lại nếp sống chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Về sau, hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sai lầm của ngài, và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này:

45. Như con thú hiền thiện,
Giống tốt, huấn luyện khéo,
Sau khi đã vấp ngã,
Lại đứng lên, an trú,
Ta đầy đủ chánh kiến,
Đệ tử bậc Chánh giác.

(Kinh Tiểu bộ, tập 3, Trưởng lão Tăng kệ, chương một, phẩm năm, Ramaniyavivhirim, Thích Minh Châu dịch, NXB.TP.HCM, 2000, tr.56-57)

3. NHẬN ĐỊNH

Chương này mang tính sáng tạo, được biên soạn dựa trên nhiều nguồn tư liệu kinh điển, có mặt trong cả hai hệ Hán tạng và Nikaya.

Từ ý tưởng Dục như bò già, chìm ngập trong vũng bùn dơ,

xuất hiện trong kinh Tân-đầu-lô Đột-la-xà vị Ưu-đà-diên-vương thuyết pháp; kinh Tạp A-hàm quyển 22, kinh Biệt dịch Tạp A-hàm, quyển 9; đã được người biên soạn chương 41 này lược bỏ cũng như thêm vào vài chi tiết, để phù hợp với văn cảnh. Do vậy, khi so sánh các vị Sa-môn hành đạo giống như con bò chở nặng đi trong bùn sâu có ý minh họa rằng, bậc Sa-môn khi chưa ra khỏi năm dục, thì phải nỗ lực vượt thoát nhanh chóng.

Một lòng nghĩ về Đạo, sống chánh niệm tỉnh giác, là giải pháp vượt thoát vô lượng khổ đau.

CHƯƠNG 42

VƯƠNG HẦU NHƯ KHÁCH TRỢ

1. CHÁNH VĂN

佛言. 吾視諸侯之位. 如過客. 視金玉之寶. 如礫石. 視
紈素之好. 如弊帛.

Dịch nghĩa

Phật dạy: Ta xem ngôi vị vương hầu như khách trọ, xem vàng
ngọc quý báu như đá sỏi, xem tơ lụa mượt mà chỉ như giẻ rách.

2. ĐỐI CHIẾU

2.1. Tư liệu Hán tạng

ĐTKĐCTT, tập 17, số 796, Kinh Phật thuyết kiến chánh.
Đông Tấn, Thiên Trúc, Tam tạng Trúc Đàm Vô Lan dịch.

Phật bảo các vị đệ tử: Từ khi Ta thành Phật, do tuệ nhãn thanh
tịnh nên Ta nhận biết rõ hết thảy chúng sanh qua lại trong vòng sanh
tử nơi ba cõi. Ví như viên ngọc báu lưu ly ở trong nước sạch, vẫn
thấy rõ những hoa văn li ti màu xanh hay màu vàng, Phật rõ việc
sanh tử như nhìn viên ngọc báu trong nước. Ví như nước lặng, lắng
trong thì có thể nhìn tận đáy, nhận rõ các loài thủy sinh. Phật thấy rõ
chuyện sanh tử như thấy cá bơi lượn khi nước trong. Ví như chiếc
cầu lớn, hết thảy bộ hành qua lại không ngừng. Phật thấy rõ sanh tử, lui
tới ở năm đường, như xem người qua cầu. Ví như núi cao, xa trông toàn
vẹn. Tâm Phật cao vời, thấy rõ sanh tử, phân biệt tường tận.

Phật bảo các vị đệ tử: Các Ông phải nghe lời Ta chỉ dạy, thì có thể thấy rõ việc sanh tử trong ngàn ức kiếp. Muốn vậy thì cần phải hành trì Ba mươi bảy phẩm trợ đạo như Bốn ý chỉ (Bốn niệm xứ), Bốn ý đoạn (Bốn chánh cần), Bốn thần túc (Bốn như ý túc), Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý (Bảy phần Bồ-đề) và Tám chánh đạo. Nhân đó nhiếp tâm đoạn trừ, ba độc tiêu diệt, nghi lẫm kết buộc đều được cởi bỏ, nhận thức liền thành tịnh, chứng tâm và tuệ Phật, tức thấy rõ việc sanh tử đến, đi, như nhìn gương sáng thì hết thấy đều tỏ tường.

大正新脩大藏經第 17 冊 No. 0796 佛說見正經. 東晉天竺三藏竺曇無蘭譯.

佛告諸弟子. 今我為佛. 慧眼清淨. 一切生死. 往來三界. 佛悉知見. 譬如水精琉璃寶珠綵絲貫之. 青黃皆見. 佛視生死. 如觀貫珠. 譬如淨水. 清澄見底. 其中魚虫. 皆悉裸見. 佛視生死. 如清水魚. 譬如大橋. 一切行人. 往來無絕. 佛視生死. 往來五道. 如觀橋人. 譬如高山遠望具見. 佛意高遠. 具知生死. 無不分別. 佛告諸弟子. 汝等當隨我教. 可具知生死千億劫事. 當行三十七品要行. 四意止. 四意斷. 四神足. 五根. 五力. 七覺意. 八正道. 以除意垢. 消滅三毒. 疑結解散. 便見清淨. 得佛慧意. 便知去來之事. 如視明鏡. 一切悉見.

ĐTKĐCTT, tập 4, số 208, Chúng kinh soạn tập thí dụ, quyển thượng, kinh số 6. Tỷ-kheo Đạo Lược tập. Điều Tẩn, Tam tạng Pháp sư Cư-ma-la-thập dịch.

Ví như ngày xưa, Phật du hành trong vương quốc của vua Ba-tư-nặc, thấy nhiều châu báu được chôn dưới đất đã lộ ra, Phật bảo Tôn giả A-nan: Ông xem, đó chính là rắn độc đấy! A-nan đáp: Dạ, con thấy rồi. Lúc ấy, có một người đi sau lưng Phật, nghe nói như thế nên liền đến xem, thấy có nhiều châu báu. Ông ta ngỡ rằng lời nói vừa rồi của Đức Phật là lời thêu dệt, vì châu báu thật sự mà bảo là rắn độc. Người ấy tức thì mật báo gia nhân đến lấy hết số châu báu mang về. Gia đình đó liền trở thành đại phú.

Có người biết chuyện tâu với vua về việc người này tìm được kho báu mà không nộp cho quan. Nhà vua liền ra lệnh bắt trói kẻ ấy và tịch thu hết số châu báu kia. Nhà vua có ý không tin câu chuyện được châu báu của người này, nên đã dùng nhiều cách để thẩm vấn, trải qua nhiều lượt tra khảo nhưng vẫn không tìm ra manh mối. Vua tức giận cực độ nên muốn giết sạch bảy đời giòng họ người này và chuẩn bị đem ra giết. Trước khi thực hiện, vua cử người bí mật dò xét, xem người này có nói điều gì không, thì nghe kẻ ấy than rằng:

- Lời Phật nói quả thực đúng đắn! Chúng thật sự là rắn độc mà ta không tin. Nay ta bị rắn độc cắn mới biết là do đâu. Bị rắn độc cắn không những bản thân bị hại mà còn liên lụy đến bảy đời họ hàng. Đúng như lời Phật đã nói!

Sứ giả nghe rõ nguyên do sự việc và về tâu vua rõ ràng. Vua biết chuyện, liền ban lệnh tạm tha, nhân đó nói với kẻ đó rằng:

- Phật là bậc công đức lớn, mà người thì có thể nhớ lại lời Phật đã nói.

Vua rất hoan hỷ, liền trả lại các thứ châu báu và ban lệnh cho họ về nhà. Vì nhân duyên nhớ lời Phật dạy nên đã thoát chết. Từ đây mới rõ, lời của Đức Phật cần phải chí tâm ghi nhớ.

大正新脩大藏經第 04 冊 No. 0208 眾經撰雜譬喻, 卷上., 六.
比丘道畧集. 姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

譬如昔日佛遊波斯匿王國中. 見地有伏藏滿中寶物. 佛語阿難. 汝見是毒蛇不. 阿難言. 已見. 時有人隨佛後行. 聞此語試往看之. 見有好寶. 嫌佛此語謂為虛綺. 此實是寶而言為毒蛇. 其人即時私將家人大小取此寶物. 其家大富.

有人向王言之. 此人隨得寶藏而不輸官. 王即收繫. 責其寶物即時輸盡. 王故不信更多方拷治之. 痛毒備至而復不首. 王大怒欲誅其七世. 載出欲殺. 王遣人微伺為何道說. 即言. 佛語至誠. 實是毒蛇而

我不信. 今為毒蛇所由知當何云. 若為毒蛇所殺正可及身而今乃及七世. 實如所語.

使者具上事向王陳說. 王聞此語即喚令還. 語其人言. 佛是大功德人. 而汝能憶佛往語. 王大歡喜還其寶物. 放之令去. 緣念佛語故得免死難. 是以佛語不可不志心念之.

ĐTKĐCTT, tập số 3, số 154, Sanh kinh, quyển thứ tư. Kinh Phật thuyết Biển hối dụ, thứ 41. Tây Tấn, Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.

Nghe như vậy: Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong khu vườn Kỳ thọ Cấp-cô-độc cùng với chúng Đại Tỷ-kheo. Bấy giờ, có một vị cư sĩ, hiểu đời đầy khổ hoạn, vạn vật vô thường, tài sản hiện có của bản thân cũng đều như huyễn, nương ở trần thế như khách trọ qua đêm, chẳng gì đáng tham vương, chỉ có đạo pháp là vĩnh viễn thường tồn. Nhân đó xuất gia, hành hạnh Sa-môn, tinh tấn không biếng trễ, nhưng chí nguyện vẫn chưa đạt. Liền vào núi sâu, ở ẩn tu tập, sớm tối chuyên nhất, không kể thân mạng. Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm trí tuệ, lập chí kiên định hành trì sáu độ.

大正新脩大藏經第03冊No. 0154生經, 卷第四, 佛說變悔喻經第四十一. 西晉三藏竺法護譯.

聞如是. 一時佛遊舍衛祇樹給孤獨園. 與大比丘眾俱. 爾時有一居士. 厭世苦患. 萬物非常. 身之所有財物如幻. 寄居天地. 猶如過客. 無一可貪. 唯道真正. 永可常存. 因便出家. 行作沙門. 精進不懈. 志本不達. 則便入山. 山中修行. 夙夜不廢. 不惜身命. 布施持戒. 忍辱精進. 一心智慧. 守志不動.

ĐTKĐCTT, tập 4, số 210, Kinh Pháp cú, quyển thượng, phẩm Thế tục, thứ 21. Tôn giả Pháp Cứu soạn. Ngô, Thiên Trúc, Sa-môn Duy-kỳ-nan và những người khác cùng dịch.

Vạn vật như phao nổi
 Tâm rong ruổi tháng ngày
 Trần đời như huyền mộng
 Vui chi một chút này?

...

Dù một đời dành dụm
 Trân bảo chất tận trời
 Đầy luôn cả cõi người
 Không gì bằng thấy đạo.

大正新脩大藏經第04冊No. 0210法句經卷上. 世俗品第二十一
 尊者法救撰. 吳天竺沙門維祇難等譯.

萬物如泡
 意如野馬
 居世若幻
 奈何樂此

...

雖多積珍寶
 嵩高至于天
 如是滿世間
 不如見道迹

2.2. Tư liệu Nikaya

Kinh Tiểu bộ, kinh Pháp cú, phẩm Thế gian, câu 170-171.

Hãy nhìn như bọt nước,
 Hãy nhìn như cảnh huyền!
 Quán nhìn đời như vậy,
 Thần chết không bắt gặp.

Hãy đến nhìn đời này,
 Như xe vua lộng lẫy,
 Người ngu mới tham đắm,
 Kẻ trí nào đắm say.

(*Kinh Tiểu bộ*, tập 1, kinh Pháp cú, Thích Minh Châu dịch,
 NXB.TP.HCM, 1999, tr.65-66)

Kinh Tăng chi bộ, kinh Tỳ-chuyên thế giới.

1. - Tám pháp thế gian này, này các Tỷ-kheo, tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này. Thế nào là tám?

2. Lợi dưỡng và không lợi dưỡng, danh vọng và không danh vọng, tán thán và chỉ trích, lạc và khổ.

Tám pháp thế gian này, này các Tỷ-kheo, tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này.

Lợi dưỡng, không lợi dưỡng,
 Danh vọng, không danh vọng
 Tán thán và chỉ trích
 An lạc và đau khổ
 Những pháp này vô thường
 Không thường hằng biến diệt
 Biết chúng giữ chánh niệm
 Bậc trí quán biến diệt
 Pháp khả ái, không động
 Không khả ái, không sân
 Các pháp thuận hay nghịch
 Được tiêu tan không còn

Sau khi biết con đường
 Không trần cấu, không sấu
 Chơn chánh biết sanh hữu
 Đi đến bờ bên kia.

(*Kinh Tăng chi bộ*, chương Tám pháp, phẩm Từ, kinh Tùy chuyển thế giới (1), Thích Minh Châu dịch, Viện NCPHVN, 1996, tr.496-497)

3. NHẬN ĐỊNH

Với tuệ nhãn của Đức Phật, mọi sự vật, hiện tượng trong đời đều hiện rõ như sự thật vốn có của chúng. Đây là một chương thể hiện quan điểm của Đức Phật đối với danh vọng, tài sản, sắc đẹp... là những yếu tố nằm trong năm món dục lạc trong đời.

Đối với danh vọng quyền quý cao sang, thì chương này đã chỉ ra rằng, một khi cuộc đời đã như quán trọ, chúng ta chỉ là lữ khách một đêm, thì có sá chi chuyện cao sang hay thấp hèn ở nơi ấy. Kinh Tạp A-hàm, quyển thứ 17, kinh Khách xá số 472 đã mô tả chi tiết về chuyện quán trọ và đủ hạng người ở trong đó. Chỗ trọ này, đêm qua có một vị danh gia vọng tộc đã ở qua, nhưng có thể ngày mai, một kẻ giang hồ lỡ vận vẫn có thể ở vào chỗ ấy.

Về chuyện tiền bạc, tài sản, chúng chỉ có giá trị tạm bợ, thậm chí còn nguy hiểm như rắn độc mà Chúng kinh soạn tập thí dụ đã chỉ ra. Hơn thế, chuyện mượn mà, đẹp đẽ, thơm tho có ý nghĩa gì, một khi vạn vật đều nằm trong sự chi phối của vô thường?

Tuy chương cuối có vẻ quá ngắn, nhưng những quan điểm căn bản của Đức Phật vẫn được thể hiện rõ ràng. Dẫu rằng, không thể tìm được nguyên bản của chương này trong Kinh tạng, thế nhưng những tương đồng nhất định vẫn được tìm thấy trong những bản kinh đối chiếu, như chúng tôi đã dẫn ở trên.

MỤC LỤC

KINH TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG ĐỐI CHIẾU & NHẬN ĐỊNH

Lời nói đầu	5
Khảo luận về tác giả, niên đại và truyền bản	7
Bài tựa <i>Kinh Tử thập nhị chương</i>	25
Chương 1: Quả vị Sa-môn	30
Chương 2: Hình thức Sa-môn	39
Chương 3: Điều ác và điều thiện	49
Chương 4: Tội lỗi và sám hối	58
Chương 5: Quà tặng trở về	66
Chương 6: Ngược gió tung bụi	74
Chương 7: Bổ thí và trì giới	79
Chương 8: Bổ thí và tùy hỷ	87
Chương 9: Phân biệt cúng dường	94
Chương 10 : Năm điều khó	107
Chương 11 : Đắc đạo và túc mạng	112
Chương 12 : Thiện, lớn, mạnh và sáng	124
Chương 13 : Ái diệt thì tâm tịnh	133
Chương 14 : Bóng tối và ánh sáng	143
Chương 15 : Thân, khẩu, ý thanh tịnh	149
Chương 16 : Nhân thế vô thường	156

Chương 17 :	Niệm đạo và tín căn	162
Chương 18 :	Tứ đại vô ngã	166
Chương 19 :	Danh vọng hão huyền	172
Chương 20 :	Tham dục như mật ngọt	180
Chương 21 :	Thê tử như lao ngục	190
Chương 22 :	Ái dục mạnh nhất	199
Chương 23 :	Cầm đuốc đi ngược gió	208
Chương 24 :	Ngọc nữ hầu Phật	215
Chương 25 :	Khúc gỗ trôi sông	228
Chương 26 :	Chớ tin tâm mình	241
Chương 27 :	Phụ nữ và người thân	248
Chương 28 :	Như cỏ tránh lửa	262
Chương 29 :	Đoạn âm và đoạn tâm	275
Chương 30 :	Cội nguồn của dục vọng	280
Chương 31 :	Tham dục và sợ hãi	292
Chương 32 :	Bốn hạng chiến sĩ	301
Chương 33 :	Tiếng đàn của So-na	313
Chương 34 :	Tu hành như luyện sắt	324
Chương 35 :	Có thân thì có khổ	336
Chương 36 :	Những điều khó trong đời	344
Chương 37 :	Mạng người trong hơi thở	355
Chương 38 :	Gần Phật - xa Phật	361
Chương 39 :	Phật pháp thuần một vị	370
Chương 40 :	Nhỏ gốc ái dục	375
Chương 41 :	Vượt khỏi bùn dơ	383
Chương 42 :	Vương hầu như khách trọ	390

KINH TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG

ĐỐI CHIẾU & NHẬN ĐỊNH

Biên soạn: THÍCH CHÚC PHÚ

Chịu trách nhiệm xuất bản: BÙI VIỆT BẮC

Biên tập: NGUYỄN THẾ VINH

Mỹ thuật: Nhuận Thường

Sửa bản in: Nguyễn Anh Tú

In số lượng: 1.000 bản, khổ 13 x 20,5cm

In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP.HCM

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 635-2014/CXB/11 - 18/HĐ

Quyết định xuất bản số: 565-2014/QĐ-HĐ

In xong và nộp lưu chiểu quý II-2014